

*Mật Tạng Bộ 1 \_ No. 874 (Tr. 310 \_ Tr. 317).*  
**KIM CƯƠNG ĐỈNH NHẤT THIẾT NHƯ LAI**  
**CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA HIỆN CHỨNG**  
**ĐẠI GIÁO VƯƠNG KINH**

*Phạn Hán dịch: Đồi Đường\_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh\_ Tam Tạng*  
*Sa Môn BÁT KHÔNG Phụng chiếu dịch.*  
*Việt dịch: HUYỀN THANH.*  
*Sưu tập Phạn Chú: HUYỀN THANH*

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 27-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

QUYỀN THƯỢNG  
QUYỀN HẠ

---o0o---

THÂM DIỆU BÍ MẬT KIM CƯƠNG GIỚI TAM MUỘI GIA

**QUYỀN THƯỢNG**  
**TU TẬP DU GIÀ NGHI (Thứ Nhất)**

Cúi lạy Bạc Già Phạm,

Đại Tỳ Lô Giá Na,

Hay vì Tụ Tại Vương.

Diễn nói Kim cương Giới,

Pháp Công Đức vô biên,

Thành năm Luân Giải Thoát

Ba mươi bảy Trí Thân.

Nay con quy mệnh lễ,

Du già Đại Giáo Vương,

Khai diễn một Phật Thừa,

Ba Mật Tạng Như Lai

Là Thừa không thể sánh,

Tối thượng tối đệ nhất

Chi:Phật Bất Cộng Trí (Trí chẳng chung cùng của Phật)

Tương ứng thành Phật Môn.

Vì khiến kẻ ngộ nhập

Viên thành Pháp Thân tịnh

Bạc Già Phạm ba đời

Đều y Pháp này thành

Vì thế các Như Lai

Kính lễ Pháp NHƯ LÝ

Nếu người tu Pháp này

Khéo trụ địa vị Thầy

Đủ Tộc Tính Tướng Tốt

Tâm điều nhu (mềm dịu khéo dạy) ngay thẳng

Thường dùng Giới nghiêm thân

Thanh tịnh không sợ hãi

Nơi Thừa Bí Mật này

Quyết định Tín Giải sâu.

Nghĩa: Không, Hữu, Tính, Tướng.

Tùy Hóa Đạo nên biết

Trụ phương tiện Đại Bi

Hoằng nhiếp các Quân Phẫn

Hay khiến điều sở y.

Đến được Như Lai vị (địa vị của Như Lai)

Đã vào Kim Cương Giới

Đại Đạo Trường Chư Phật

Sinh tại nhà Như Lai

Nhận Quán Đỉnh Pháp Vương.

Chiêm lễ nơi Thánh Tôn.

Chẳng bỏ Tâm Bồ Đề

Cung kính A Xà Lê.

Ngang bằng tất cả Phật

Bao nhiêu lời Giáo Hối

Đều nên phụng hành hết

Ôu các nơi Đồng Học  
Chẳng sinh Tâm kiêu mạn  
Kính như Kim Cương Thủ  
Cho đến các Hàm Thức  
Cũng chẳng nên khinh não  
Các hàng Trời, Thần, Tiên  
Đều chẳng nên lễ phụng  
Đừng hủy báng, ngạo mạn.  
Nhìn thấy các Pháp Cụ  
Chẳng cỡi lên, đùa nghịch  
Vì trong Đạo Trường này  
Nơi các Thánh giữ gìn  
Gần gũi theo Đạo Sư (A Xà lê).  
Được truyền dạy Quán Đỉnh  
Hiểu rõ Tam Ma Gia (Samaya\_Bản thệ)  
Các đạo Chánh Biến Tri  
Thông minh, giáo: rộng, lược  
Thân, Ngữ, Tâm Du Già  
Khéo giải Man Đa La (Manīdīala)  
Liễu nghĩa thật Chân Ngôn.

A Xà Lê như vậy.

Chư Phật, nơi xung tán

Ngang bằng Bạc Già Phạm.

Đại Tỳ Lô Giá Na,

Tức là các Như Lai

Kim Cương, Liên Hoa Thủ,

Hư Không, Xảo Nghiệp Tôn.

Cho nên thủ hộ chắc

Tam Muội Gia Đại Tôn

Vượt hơn thân mệnh nhiều,

Thường tu Nghi Thức ngoài

Tây xúc, nhảm Xi Mộc.

Ăn, Đậu Khấu, Hương Xoa (Đồ Hương – dầu thơm)

Khiến thân khẩu thơm sạch.

Chẳng nên ăn Huân tạp

Rượu thịt, các uế xúc.

Ăn uống lia các lỗi

Chẳng nên cùng người khác

Ngồi nằm chung một giường.

Thường Khiết thân Tịnh căn.

Khiến trong ngoài không như.

Chẳng để móng tay dài

Ở bản là Nghịch Giáo

Trong: ấy là sáu căn

Dùng ba Mật tịnh trừ

Ngoài: là các Nghi Tắc

Pháp, nước thơm quán đỉnh

Hoặc ngoại duyên chẳng đủ

Liên dùng Pháp Tĩnh Trừ

Lý Thú này tối thắng

Nên quán niệm chữ Lam (劣 – RAMi)

Tĩnh trừ dơ trong ngoài

Chẳng tắm thành tắm gội

Gột rửa ngang Hư Không.

Không dơ như Pháp Giới

Tương ứng đủ Sự Lý.

Như Lai rất khen ngợi

Sơ (ban đầu) khởi Kim Cương Định

Hiểu (Giác) khắp các Quần Phẩm

Đi tức Như Lai đi

Ngôi tức Như Lai ngôi  
Các Nhập, không ngôn thuyết  
Một Âm tràn Pháp Giới  
Lợi lạc hết không sót  
Thế Gian: Khí, Hữu Tình (2 loại Thế Gian)  
Nghiêm tĩnh Như Lai Thổ.  
Nêu Tự Tha kiến lập  
Thắng Định Man Noa La  
Chọn đất kết Đàn Trường  
Như Kinh đã diễn nói  
Trên thí lọng Diệu Thiên  
Chung quanh đều treo phướng  
Chuỗi ngọc, chuông, phong linh...  
Xen kẽ rữ cúng dường.  
Bày vị trí các Tôn.  
Rải hoa mùa trang nghiêm.  
Hiền Bình, nước Ứ Già  
Hương đốt, hoa, dầu thơm  
Đèn sáng, thức ăn uống  
Vật báu chứa vàng bạc

Lại dùng chén trong sạch.

Rải nước thơm Chân Ngôn.

Lại dùng hương đốt xông.

Bày biện bốn bên Đàn

Thành tâm tác cúng dường.

Kê tu hành Du Già

Mỗi lúc vào Đàn Trường

Quán Thân như Phổ Hiền (Samanta Bhadra)

Chân đạp lên hoa sen.

Đến nơi cửa Tinh Thất

Đóng cửa xung chữ Hồng (HUMi)

Trợn mắt (Nộ mục) trừ bất tường.

Tức năm thể sát đất.

Kính lễ chân Thế Tôn.

Vói Pháp Nhất Thừa, Tăng.

Liên quỳ dài chấp tay.

Đủ Pháp mới nên vào

Kim Cương Tam ma địa (Vajra Samàdhi)

Chữ LAM (劣\_RAMi) phát lửa Trí



Đốt trừ Nhân hư vọng

Nhóm: Tinh, Khí, Hư Không.

Đều tác ý Như Lý

Tâm thành tựu Như Lý

Đây gọi là Pháp Tính (Dharmatà)

Pháp an trụ Pháp Vị

Đây gọi là Pháp Giới

Lại gia Thân, Khẩu, Tâm

Thành ba Thân ba Mật.

Chân Ngôn Hạnh Bồ Tát

Cần phải khéo tu tập

Xoa dầu thơm khắp tay

Lại dùng hương đốt xông

Kết Tịnh Khí Thế Gian.

Tịch Quang Hoa Tạng Ấn.

Liên dùng tay Định Tuệ (2 bàn tay)

Quán niệm pháp Ly Trần (lìa bụi dơ)

Chân Ngôn xưng, như vậy

“Ấn – Bá nho ba nga đát tát phộc Đạt Ma”

轉 全介 珈扔丫半 屹楠叻獲

\* OMĪ – RÀJA UPAGATAHĪ SARVA DHARMA

Tiếp nên tịnh ba nghiệp

Quán bản thân thanh tịnh

Tụng Chân Ngôn Minh này

Được ba nghiệp đều tịnh.

Tĩnh Thân Chân Ngôn là:

“Án – Tát phộc bà phộc truat đà, tát phộc đạt ma

Tát phộc bà phộc, truat độ Hám”

馮 辱矢向 圩益 屹楠 叻獲 辱矛向 圩砰猪

\* OMĪ – SVABHÀVA (SUDDHA – SARVA DHARMA SVABHÀVA  
(SUDDHA UHÀMĪ

Do Chân Ngôn này nên

Thân ấy thành Pháp Khí

Nơi Hư Không, quán phật

Tràn đầy như hạt mè

Liên tụng Biến Chiếu Minh.

Thấy Chư Phật rõ ràng

Quán Phật Chân Ngôn là:

“Khiếm – phộc nhật la đà đờ”

丈 向忝四加

\* KHAMĪ – VAJRADHĀTU.

Cảnh giác các Như Lai

Đàn Tuệ (2 ngón út) móc chặt nhau.

Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng vịn nhau.

Đáy gọi là Khởi Ấn

“Ấn – phộc nhật \_ la đề sát \_ xá Hồng”

轉向忝凸岨嫿

\* OMĪ – VAJRA TISĪTĪA HŪMĪ

Tượng chữ Hồng (嫿 \_ HŪMĪ) tại tim

Biến thành chày Ngũ cổ (Chày Kim Cương có 5 chia)

Nên tượng trong toàn thân

Bao nhiêu số bụi nhỏ

Là Kim Cương Tát Đỏa (Vajrasatva)

Kim Cương Chương duỗi tý (cánh tay)

Toàn thân sụp đất lễ

Xả thân khắp Pháp Giới

Phụng hiến A Súc Tôn (Aksiobhya)

Hết lễ, thờ Chư Phật.



𨳗 屹漚 凹卡丫凹 翬仄石宇乙伏 狝撻觥 市淘凹 仲亦 屹楠 凹卡丫凹  
向忝先寒 狝石趺弋 颯伐 獠

\* OMĪ – SARVA TATHĀGATA PŪJA ABHISĪAIKĀYA ATMANĀMĪ  
NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA RATNA  
ABHISĪMĪCA SVĀMAMĪ – TRĀHĪ

Miệng: Quán chữ Ngột\_Lị (獠 \_ HRĪHĪ)

Liên tưởng sen tám cánh

Quán thân là hoa sen

Số bụi nhỏ trong thân

Tưởng thành Kim Cương pháp (Vajra Dharma)

Toàn thân dùng miệng lễ

Kim Cương Chương ở đỉnh

Phụng hiến vô lượng thọ (Amitāyus)

Tưởng khắp các Phật Hội

Mà thỉnh chuyển Pháp Luân.

Chân Ngôn là: “Án – Tát phộc đát tha nga đá, bô nhạ bát\_la phộc đá nẳng đã  
đát\_ma nẳm, nễ lị\_dã đá đã nhĩ – Tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật\_la đạt  
ma bát\_la phộc li\_đá đã, sa\_phộc hàm, ngột\_lị\_dĩ”

𨳗 屹漚 凹卡丫凹 翬介 盲向彎左仲撻觥 市淘凹 仲帆 屹漚 凹卡丫凹  
向忝叻獠 盲向彎左伏 颯施 獠

\* OMĪ – SARVA TATHĀGATA PŪJA PRAVARTTANĀYA  
ATMANĀMĪ NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA  
DHARMA PRAVARTTĀYA SVĀMAMĪ – HRĪHĪ.

Tướng chữ A (𑖀 \_AHĪ) ở đỉnh

Biến thành Nghiệp Kim Cương (Vajra Karma)

Quán thân thuần Kim Cương.

Số bụi nhỏ trong thân

Đều thành Kim Cương nghiệp

Toàn thân dùng đỉnh lễ

Kim Cương Chưởng ngang tim.

Phụng kiến Bất Không Tôn (Amogha Siddhi)

Tướng ở khắp Tập Hội

Quán Thân Nghiệp Kim Cương.

Rồi tác cúng dường lớn.

Chân Ngôn là: “Án – Tát phộc đát tha nga đá, bố nhạ ca lố ma ni, a đát\_ma  
nằm, nễ li\_dã đá dã nhĩ – tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật\_la ca lố\_ma, câu  
lố, sa\_phộc hàm, A”

𑖀 屹漚 凹卡丫凹 𑖀介一𑖀仗 挑撻𑖀 市洵凹 仲亦 屹漚 凹卡丫凹  
向忝一𑖀 乃冰 𑖀𑖀 𑖀

\* OMĪ – SARVA TATHĀGATA PŪJA KARMANĪ ATMANĀMĪ  
NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA KARMA KURU  
SVĀMAMĪ – AHĪ.

Tiếp kết Kim Cương Trì Đại Ân

Thiền Tuệ (ngón cái phải và ngón út trái) Đàn Trí (ngón út phải và ngón cái  
trái) cùng cài ngược



Ba Nghiệp Kim Cương nơi sinh phước

Duyên Giác, Thanh Văn với Hữu Tình

Gom chứa căn lành, tùy hỷ hết

- Tất cả Thế Đăng ngồi Đạo Trường

Hé mở mắt Giác soi ba Hữu

Nay con quỳ gối ân cần thỉnh

Chuyển bánh xe Pháp Diệu Vô thượng.

- Bao nhiêu Như Lai, chủ Tam Giới

Bậc đến Vô Dư Bát Niết Bàn

Con đều khuyến thỉnh khiến trụ lâu.

Chẳng bỏ Bi nguyện cứu thế gian.

- Phước: Sám Hối, Tùy Hỷ, Khuyến Thỉnh.

Nguyện con chẳng mất Tâm Bồ Đề.

Chư Phật Bồ Tát trong Diệu Chúng

Thường làm bạn lành chẳng chán bỏ

Lìa nơi tám nạn, sinh không nạn

Túc Mệnh Trụ Trí Tướng nghiêm thân.

Mau lìa ngu mê đủ Bi Trí

Đều hay mãn túc Ba La Mật.

Giàu, vui, sung túc sinh Thắng Tộc





Nên quán là Nhật Nguyệt

Hai tay Kim Cương Quyền

Đều đặt ở cạnh eo

Nhìn khắp Phật trong Không.

Chư Phật đều vui vẻ.

Bao nhiêu nhóm hương, hoa

Với vật cùng đường khác.

Nhân mắt này nhìn ngắm

Trừ dơ thành thanh tịnh

Tịch Trừ thành Kết Giới.

Chân Ngôn là: “Án – phộc nhật \_ la niết \_ lị sắt \_ trí ma tra”

轉 向 忝 呷 洩 互 誑

\* OMĪ VAJRA DRĪSĪTĪ MATĪ

Phước Trí chấp hai vũ (chấp hai tay lại)

Mười độ (mười ngón tay) giao phân đầu.

Gọi là Kim Cương Chưởng (Vajra Jàli)

Đầu của tất cả Ấn.

Chân Ngôn là: “Án – phộc nhật \_ la nhạ thể”

轉 向 忝 灰 印

\* OMĪ – VAJRA JÀLI

Tức Kim Cương Chương ấy

Mười Độ (10 ngón tay) kết làm Quyển

Gọi là Kim Cương Phộc (Vajra Bandha)

Hay giải kết, khiến buộc.

Chân Ngôn là: “Án – phộc nhật\_la mẫn đà”

轉 向 介 向 神

\* OMĪ – VAJRA BANDHA.

Liên dùng Kim Cương Phộc

Hay Tịnh Thức Thứ Tám (Alàya vijnāna)

Cũng trừ giống (chủng) tạp nhiễm.

Hai chữ Đát\_La (泣 \_ TRÀ) Tra (誑 \_ TỈ)

Tưởng đặt ở hai vú

Hai Vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Kéo mở như trục cửa

Chân Ngôn là:” Aùn \_ Phộc nhật-la, mẫn đà, đát-la tra”

轉 向 忝 向 神 泣 誑

\* OMĪ \_ VAJRA BANDHA TRÀ TỈ

Liên dùng Kim Cương Phộc

Co Thiên Trí (2 ngón cái) vào chương.

Khoảng Đàn Tuệ (2 ngón út) Giới Phương (2 ngón vô danh)

Tướng Triệu Trí Vô Lậu.

Nhập vào trong Tàng Thức.

Chân Ngôn là: “Án – phộc nhật\_la phệ xả, ác”

轉 向 忝 挑 甩 在 珩

\* OMĪ – VAJRA AVI(SA AHĪ

Liên dùng Ấn Tướng trước

Tiền Lực (2 ngón trở) vịn Thiên Trí (2 ngón cái)

Đem phụ nơi Tâm Môn (cửa trái tim)

Trí Vô Lậu kiên cố

Chân Ngôn là: “Án – phộc nhật\_la mẫu sắt\_trí, noan”

轉 向 忝 觜 洩 圳

\* OMĪ – VAJRA MUSĪTĪI VAMĪ

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc.

Nhân Nguyệt (2 ngón giữa) cứng như kim.

Vừa tụng Chân Ngôn xong.

Tự thân thành Phổ Hiền

Ngồi ở trên vành trăng

Thân; trước quán Phổ Hiền

Chân Ngôn là: “Án – tam ma gia, tát\_đát\_noan”

𨮒 屹互伏 倏

\* OMĪ – SAMAYA STVAMĪ

Hành Giả tiếp nên kết

Đại Thệ Chân Thật Khế

Hai vũ Kim Cương Phộc

Thắng Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái)

Nhẫn Nguyễn (2 ngón giữa) giao trong chưởng

Khiến mặt ngón hợp nhau.

Dem hai độ (2 ngón tay) khắc tim.

Gọi là Đại Bi Tiễn (Mũi tên Đại Bi)

Dùng bản Tâm chán lia (yểm ly)

Tam Muội Gia Cực Hỷ

Cảnh giác Bản Thệ Nguyễn.

Chân Ngôn là: “Án – Tam ma gia, hộc – Tô đát la tát\_đát\_noan”

𨮒 屹互伏 赳 鉏先凹 倏

\* OMĪ – SAMAYA HOHĪ SURATA STVAMĪ

Hành Giả tiếp nên kết

Giáng Tam Thệ Đại Ân

Hai vũ(2 bàn tay) Phần Nộ Quyền

Đàn Tuệ (2 ngón út) móc kết lương.

Tiến Lực (2 ngón trỏ) cứng hai lưng.

Thân tướng Phần Nộ Vương (Krodha Ràja)

Tám tay với bốn mặt

Cười giận, hình đáng sợ.

Bốn nanh, thân rực lửa

Co chân phải, thẳng (chân) trái.

Đạp Đai Thiên (Mahà devi) với Hậu (Uma phi)

Gần tiếng, tụng Chân Ngôn.

Xoay chuyển ở mười phương.

Chuyển trái là Tịch Trừ,

Chuyển phải là Kết Giới.

Chân Ngôn là: “Án\_ Tôn bà nãnh, Tôn bà nãnh hồng \_ ngật lị hạ noa, ngật lị hạ noa, hồng ngật lị hạ noa bá dã, Hồng\_ A nãnh dã, Hộc Bà nga noan, phộc nhập la, Hồng phát tra”.

𑖀 𑖄 𑖆 𑖇 𑖈 𑖉 𑖊 𑖋 𑖌 𑖍 𑖎 𑖏 𑖐 𑖑 𑖒 𑖓 𑖔 𑖕 𑖖 𑖗 𑖘 𑖙 𑖚 𑖛 𑖜 𑖝 𑖞 𑖟 𑖠 𑖡 𑖢 𑖣 𑖤 𑖥 𑖦 𑖧 𑖨 𑖩 𑖪 𑖫 𑖬 𑖭 𑖮 𑖯 𑖰 𑖱 𑖲 𑖳 𑖴 𑖵 𑖶 𑖷 𑖸 𑖹 𑖺 𑖻 𑖼 𑖽 𑖾 𑖿 𑗀 𑗁 𑗂 𑗃 𑗄 𑗅 𑗆 𑗇 𑗈 𑗉 𑗊 𑗋 𑗌 𑗍 𑗎 𑗏 𑗐 𑗑 𑗒 𑗓 𑗔 𑗕 𑗖 𑗗 𑗘 𑗙 𑗚 𑗛 𑗜 𑗝 𑗞 𑗟 𑗠 𑗡 𑗢 𑗣 𑗤 𑗥 𑗦 𑗧 𑗨 𑗩 𑗪 𑗫 𑗬 𑗭 𑗮 𑗯 𑗰 𑗱 𑗲 𑗳 𑗴 𑗵 𑗶 𑗷 𑗸 𑗹 𑗺 𑗻 𑗼 𑗽 𑗾 𑗿 𑘀 𑘁 𑘂 𑘃 𑘄 𑘅 𑘆 𑘇 𑘈 𑘉 𑘊 𑘋 𑘌 𑘍 𑘎 𑘏 𑘐 𑘑 𑘒 𑘓 𑘔 𑘕 𑘖 𑘗 𑘘 𑘙 𑘚 𑘛 𑘜 𑘝 𑘞 𑘟 𑘠 𑘡 𑘢 𑘣 𑘤 𑘥 𑘦 𑘧 𑘨 𑘩 𑘪 𑘫 𑘬 𑘭 𑘮 𑘯 𑘰 𑘱 𑘲 𑘳 𑘴 𑘵 𑘶 𑘷 𑘸 𑘹 𑘺 𑘻 𑘼 𑘽 𑘾 𑘿 𑙀 𑙁 𑙂 𑙃 𑙄 𑙅 𑙆 𑙇 𑙈 𑙉 𑙊 𑙋 𑙌 𑙍 𑙎 𑙏 𑙐 𑙑 𑙒 𑙓 𑙔 𑙕 𑙖 𑙗 𑙘 𑙙 𑙚 𑙛 𑙜 𑙝 𑙞 𑙟 𑙠 𑙡 𑙢 𑙣 𑙤 𑙥 𑙦 𑙧 𑙨 𑙩 𑙪 𑙫 𑙬 𑙭 𑙮 𑙯 𑙰 𑙱 𑙲 𑙳 𑙴 𑙵 𑙶 𑙷 𑙸 𑙹 𑙺 𑙻 𑙼 𑙽 𑙾 𑙿 𑚀 𑚁 𑚂 𑚃 𑚄 𑚅 𑚆 𑚇 𑚈 𑚉 𑚊 𑚋 𑚌 𑚍 𑚎 𑚏 𑚐 𑚑 𑚒 𑚓 𑚔 𑚕 𑚖 𑚗 𑚘 𑚙 𑚚 𑚛 𑚜 𑚝 𑚞 𑚟 𑚠 𑚡 𑚢 𑚣 𑚤 𑚥 𑚦 𑚧 𑚨 𑚩 𑚪 𑚫 𑚬 𑚭 𑚮 𑚯 𑚰 𑚱 𑚲 𑚳 𑚴 𑚵 𑚶 𑚷 𑚸 𑚹 𑚺 𑚻 𑚼 𑚽 𑚾 𑚿 𑛀 𑛁 𑛂 𑛃 𑛄 𑛅 𑛆 𑛇 𑛈 𑛉 𑛊 𑛋 𑛌 𑛍 𑛎 𑛏 𑛐 𑛑 𑛒 𑛓 𑛔 𑛕 𑛖 𑛗 𑛘 𑛙 𑛚 𑛛 𑛜 𑛝 𑛞 𑛟 𑛠 𑛡 𑛢 𑛣 𑛤 𑛥 𑛦 𑛧 𑛨 𑛩 𑛪 𑛫 𑛬 𑛭 𑛮 𑛯 𑛰 𑛱 𑛲 𑛳 𑛴 𑛵 𑛶 𑛷 𑛸 𑛹 𑛺 𑛻 𑛼 𑛽 𑛾 𑛿 𑜀 𑜁 𑜂 𑜃 𑜄 𑜅 𑜆 𑜇 𑜈 𑜉 𑜊 𑜋 𑜌 𑜍 𑜎 𑜏 𑜐 𑜑 𑜒 𑜓 𑜔 𑜕 𑜖 𑜗 𑜘 𑜙 𑜚 𑜛 𑜜 𑜝 𑜞 𑜟 𑜠 𑜡 𑜢 𑜣 𑜤 𑜥 𑜦 𑜧 𑜨 𑜩 𑜪 𑜫 𑜬 𑜭 𑜮 𑜯 𑜰 𑜱 𑜲 𑜳 𑜴 𑜵 𑜶 𑜷 𑜸 𑜹 𑜺 𑜻 𑜼 𑜽 𑜾 𑜿 𑝀 𑝁 𑝂 𑝃 𑝄 𑝅 𑝆 𑝇 𑝈 𑝉 𑝊 𑝋 𑝌 𑝍 𑝎 𑝏 𑝐 𑝑 𑝒 𑝓 𑝔 𑝕 𑝖 𑝗 𑝘 𑝙 𑝚 𑝛 𑝜 𑝝 𑝞 𑝟 𑝠 𑝡 𑝢 𑝣 𑝤 𑝥 𑝦 𑝧 𑝨 𑝩 𑝪 𑝫 𑝬 𑝭 𑝮 𑝯 𑝰 𑝱 𑝲 𑝳 𑝴 𑝵 𑝶 𑝷 𑝸 𑝹 𑝺 𑝻 𑝼 𑝽 𑝾 𑝿 𑞀 𑞁 𑞂 𑞃 𑞄 𑞅 𑞆 𑞇 𑞈 𑞉 𑞊 𑞋 𑞌 𑞍 𑞎 𑞏 𑞐 𑞑 𑞒 𑞓 𑞔 𑞕 𑞖 𑞗 𑞘 𑞙 𑞚 𑞛 𑞜 𑞝 𑞞 𑞟 𑞠 𑞡 𑞢 𑞣 𑞤 𑞥 𑞦 𑞧 𑞨 𑞩 𑞪 𑞫 𑞬 𑞭 𑞮 𑞯 𑞰 𑞱 𑞲 𑞳 𑞴 𑞵 𑞶 𑞷 𑞸 𑞹 𑞺 𑞻 𑞼 𑞽 𑞾 𑞿 𑟀 𑟁 𑟂 𑟃 𑟄 𑟅 𑟆 𑟇 𑟈 𑟉 𑟊 𑟋 𑟌 𑟍 𑟎 𑟏 𑟐 𑟑 𑟒 𑟓 𑟔 𑟕 𑟖 𑟗 𑟘 𑟙 𑟚 𑟛 𑟜 𑟝 𑟞 𑟟 𑟠 𑟡 𑟢 𑟣 𑟤 𑟥 𑟦 𑟧 𑟨 𑟩 𑟪 𑟫 𑟬 𑟭 𑟮 𑟯 𑟰 𑟱 𑟲 𑟳 𑟴 𑟵 𑟶 𑟷 𑟸 𑟹 𑟺 𑟻 𑟼 𑟽 𑟾 𑟿 𑠀 𑠁 𑠂 𑠃 𑠄 𑠅 𑠆 𑠇 𑠈 𑠉 𑠊 𑠋 𑠌 𑠍 𑠎 𑠏 𑠐 𑠑 𑠒 𑠓 𑠔 𑠕 𑠖 𑠗 𑠘 𑠙 𑠚 𑠛 𑠜 𑠝 𑠞 𑠟 𑠠 𑠡 𑠢 𑠣 𑠤 𑠥 𑠦 𑠧 𑠨 𑠩 𑠪 𑠫 𑠬 𑠭 𑠮 𑠯 𑠰 𑠱 𑠲 𑠳 𑠴 𑠵 𑠶 𑠷 𑠸 𑠹 𑠺 𑠻 𑠼 𑠽 𑠾 𑠿 𑡀 𑡁 𑡂 𑡃 𑡄 𑡅 𑡆 𑡇 𑡈 𑡉 𑡊 𑡋 𑡌 𑡍 𑡎 𑡏 𑡐 𑡑 𑡒 𑡓 𑡔 𑡕 𑡖 𑡗 𑡘 𑡙 𑡚 𑡛 𑡜 𑡝 𑡞 𑡟 𑡠 𑡡 𑡢 𑡣 𑡤 𑡥 𑡦 𑡧 𑡨 𑡩 𑡪 𑡫 𑡬 𑡭 𑡮 𑡯 𑡰 𑡱 𑡲 𑡳 𑡴 𑡵 𑡶 𑡷 𑡸 𑡹 𑡺 𑡻 𑡼 𑡽 𑡾 𑡿 𑢀 𑢁 𑢂 𑢃 𑢄 𑢅 𑢆 𑢇 𑢈 𑢉 𑢊 𑢋 𑢌 𑢍 𑢎 𑢏 𑢐 𑢑 𑢒 𑢓 𑢔 𑢕 𑢖 𑢗 𑢘 𑢙 𑢚 𑢛 𑢜 𑢝 𑢞 𑢟 𑢠 𑢡 𑢢 𑢣 𑢤 𑢥 𑢦 𑢧 𑢨 𑢩 𑢪 𑢫 𑢬 𑢭 𑢮 𑢯 𑢰 𑢱 𑢲 𑢳 𑢴 𑢵 𑢶 𑢷 𑢸 𑢹 𑢺 𑢻 𑢼 𑢽 𑢾 𑢿 𑣀 𑣁 𑣂 𑣃 𑣄 𑣅 𑣆 𑣇 𑣈 𑣉 𑣊 𑣋 𑣌 𑣍 𑣎 𑣏 𑣐 𑣑 𑣒 𑣓 𑣔 𑣕 𑣖 𑣗 𑣘 𑣙 𑣚 𑣛 𑣜 𑣝 𑣞 𑣟 𑣠 𑣡 𑣢 𑣣 𑣤 𑣥 𑣦 𑣧 𑣨 𑣩 𑣪 𑣫 𑣬 𑣭 𑣮 𑣯 𑣰 𑣱 𑣲 𑣳 𑣴 𑣵 𑣶 𑣷 𑣸 𑣹 𑣺 𑣻 𑣼 𑣽 𑣾 𑣿 𑤀 𑤁 𑤂 𑤃 𑤄 𑤅 𑤆 𑤇 𑤈 𑤉 𑤊 𑤋 𑤌 𑤍 𑤎 𑤏 𑤐 𑤑 𑤒 𑤓 𑤔 𑤕 𑤖 𑤗 𑤘 𑤙 𑤚 𑤛 𑤜 𑤝 𑤞 𑤟 𑤠 𑤡 𑤢 𑤣 𑤤 𑤥 𑤦 𑤧 𑤨 𑤩 𑤪 𑤫 𑤬 𑤭 𑤮 𑤯 𑤰 𑤱 𑤲 𑤳 𑤴 𑤵 𑤶 𑤷 𑤸 𑤹 𑤺 𑤻 𑤼 𑤽 𑤾 𑤿 𑥀 𑥁 𑥂 𑥃 𑥄 𑥅 𑥆 𑥇 𑥈 𑥉 𑥊 𑥋 𑥌 𑥍 𑥎 𑥏 𑥐 𑥑 𑥒 𑥓 𑥔 𑥕 𑥖 𑥗 𑥘 𑥙 𑥚 𑥛 𑥜 𑥝 𑥞 𑥟 𑥠 𑥡 𑥢 𑥣 𑥤 𑥥 𑥦 𑥧 𑥨 𑥩 𑥪 𑥫 𑥬 𑥭 𑥮 𑥯 𑥰 𑥱 𑥲 𑥳 𑥴 𑥵 𑥶 𑥷 𑥸 𑥹 𑥺 𑥻 𑥼 𑥽 𑥾 𑥿 𑦀 𑦁 𑦂 𑦃 𑦄 𑦅 𑦆 𑦇 𑦈 𑦉 𑦊 𑦋 𑦌 𑦍 𑦎 𑦏 𑦐 𑦑 𑦒 𑦓 𑦔 𑦕 𑦖 𑦗 𑦘 𑦙 𑦚 𑦛 𑦜 𑦝 𑦞 𑦟 𑦠 𑦡 𑦢 𑦣 𑦤 𑦥 𑦦 𑦧 𑦨 𑦩 𑦪 𑦫 𑦬 𑦭 𑦮 𑦯 𑦰 𑦱 𑦲 𑦳 𑦴 𑦵 𑦶 𑦷 𑦸 𑦹 𑦺 𑦻 𑦼 𑦽 𑦾 𑦿 𑧀 𑧁 𑧂 𑧃 𑧄 𑧅 𑧆 𑧇 𑧈 𑧉 𑧊 𑧋 𑧌 𑧍 𑧎 𑧏 𑧐 𑧑 𑧒 𑧓 𑧔 𑧕 𑧖 𑧗 𑧘 𑧙 𑧚 𑧛 𑧜 𑧝 𑧞 𑧟 𑧠 𑧡 𑧢 𑧣 𑧤 𑧥 𑧦 𑧧 𑧨 𑧩 𑧪 𑧫 𑧬 𑧭 𑧮 𑧯 𑧰 𑧱 𑧲 𑧳 𑧴 𑧵 𑧶 𑧷 𑧸 𑧹 𑧺 𑧻 𑧼 𑧽 𑧾 𑧿 𑨀 𑨁 𑨂 𑨃 𑨄 𑨅 𑨆 𑨇 𑨈 𑨉 𑨊 𑨋 𑨌 𑨍 𑨎 𑨏 𑨐 𑨑 𑨒 𑨓 𑨔 𑨕 𑨖 𑨗 𑨘 𑨙 𑨚 𑨛 𑨜 𑨝 𑨞 𑨟 𑨠 𑨡 𑨢 𑨣 𑨤 𑨥 𑨦 𑨧 𑨨 𑨩 𑨪 𑨫 𑨬 𑨭 𑨮 𑨯 𑨰 𑨱 𑨲 𑨳 𑨴 𑨵 𑨶 𑨷 𑨸 𑨹 𑨺 𑨻 𑨼 𑨽 𑨾 𑨿 𑩀 𑩁 𑩂 𑩃 𑩄 𑩅 𑩆 𑩇 𑩈 𑩉 𑩊 𑩋 𑩌 𑩍 𑩎 𑩏 𑩐 𑩑 𑩒 𑩓 𑩔 𑩕 𑩖 𑩗 𑩘 𑩙 𑩚 𑩛 𑩜 𑩝 𑩞 𑩟 𑩠 𑩡 𑩢 𑩣 𑩤 𑩥 𑩦 𑩧 𑩨 𑩩 𑩪 𑩫 𑩬 𑩭 𑩮 𑩯 𑩰 𑩱 𑩲 𑩳 𑩴 𑩵 𑩶 𑩷 𑩸 𑩹 𑩺 𑩻 𑩼 𑩽 𑩾 𑩿 𑪀 𑪁 𑪂 𑪃 𑪄 𑪅 𑪆 𑪇 𑪈 𑪉 𑪊 𑪋 𑪌 𑪍 𑪎 𑪏 𑪐 𑪑 𑪒 𑪓 𑪔 𑪕 𑪖 𑪗 𑪘 𑪙 𑪚 𑪛 𑪜 𑪝 𑪞 𑪟 𑪠 𑪡 𑪢 𑪣 𑪤 𑪥 𑪦 𑪧 𑪨 𑪩 𑪪 𑪫 𑪬 𑪭 𑪮 𑪯 𑪰 𑪱 𑪲 𑪳 𑪴 𑪵 𑪶 𑪷 𑪸 𑪹 𑪺 𑪻 𑪼 𑪽 𑪾 𑪿 𑫀 𑫁 𑫂 𑫃 𑫄 𑫅 𑫆 𑫇 𑫈 𑫉 𑫊 𑫋 𑫌 𑫍 𑫎 𑫏 𑫐 𑫑 𑫒 𑫓 𑫔 𑫕 𑫖 𑫗 𑫘 𑫙 𑫚 𑫛 𑫜 𑫝 𑫞 𑫟 𑫠 𑫡 𑫢 𑫣 𑫤 𑫥 𑫦 𑫧 𑫨 𑫩 𑫪 𑫫 𑫬 𑫭 𑫮 𑫯 𑫰 𑫱 𑫲 𑫳 𑫴 𑫵 𑫶 𑫷 𑫸 𑫹 𑫺 𑫻 𑫼 𑫽 𑫾 𑫿 𑬀 𑬁 𑬂 𑬃 𑬄 𑬅 𑬆 𑬇 𑬈 𑬉 𑬊 𑬋 𑬌 𑬍 𑬎 𑬏 𑬐 𑬑 𑬒 𑬓 𑬔 𑬕 𑬖 𑬗 𑬘 𑬙 𑬚 𑬛 𑬜 𑬝 𑬞 𑬟 𑬠 𑬡 𑬢 𑬣 𑬤 𑬥 𑬦 𑬧 𑬨 𑬩 𑬪 𑬫 𑬬 𑬭 𑬮 𑬯 𑬰 𑬱 𑬲 𑬳 𑬴 𑬵 𑬶 𑬷 𑬸 𑬹 𑬺 𑬻 𑬼 𑬽 𑬾 𑬿 𑭀 𑭁 𑭂 𑭃 𑭄 𑭅 𑭆 𑭇 𑭈 𑭉 𑭊 𑭋 𑭌 𑭍 𑭎 𑭏 𑭐 𑭑 𑭒 𑭓 𑭔 𑭕 𑭖 𑭗 𑭘 𑭙 𑭚 𑭛 𑭜 𑭝 𑭞 𑭟 𑭠 𑭡 𑭢 𑭣 𑭤 𑭥 𑭦 𑭧 𑭨 𑭩 𑭪 𑭫 𑭬 𑭭 𑭮 𑭯 𑭰 𑭱 𑭲 𑭳 𑭴 𑭵 𑭶 𑭷 𑭸 𑭹 𑭺 𑭻 𑭼 𑭽 𑭾 𑭿 𑮀 𑮁 𑮂 𑮃 𑮄 𑮅 𑮆 𑮇 𑮈 𑮉 𑮊 𑮋 𑮌 𑮍 𑮎 𑮏 𑮐 𑮑 𑮒 𑮓 𑮔 𑮕 𑮖 𑮗 𑮘 𑮙 𑮚 𑮛 𑮜 𑮝 𑮞 𑮟 𑮠 𑮡 𑮢 𑮣 𑮤 𑮥 𑮦 𑮧 𑮨 𑮩 𑮪 𑮫 𑮬 𑮭 𑮮 𑮯 𑮰 𑮱 𑮲 𑮳 𑮴 𑮵 𑮶 𑮷 𑮸 𑮹 𑮺 𑮻 𑮼 𑮽 𑮾 𑮿 𑯀 𑯁 𑯂 𑯃 𑯄 𑯅 𑯆 𑯇 𑯈 𑯉 𑯊 𑯋 𑯌 𑯍 𑯎 𑯏 𑯐 𑯑 𑯒 𑯓 𑯔 𑯕 𑯖 𑯗 𑯘 𑯙 𑯚 𑯛 𑯜 𑯝 𑯞 𑯟 𑯠 𑯡 𑯢 𑯣 𑯤 𑯥 𑯦 𑯧 𑯨 𑯩 𑯪 𑯫 𑯬 𑯭 𑯮 𑯯 𑯰 𑯱 𑯲 𑯳 𑯴 𑯵 𑯶 𑯷 𑯸 𑯹 𑯺 𑯻 𑯼 𑯽 𑯾 𑯿 𑰀 𑰁 𑰂 𑰃 𑰄 𑰅 𑰆 𑰇 𑰈 𑰉 𑰊 𑰋 𑰌 𑰍 𑰎 𑰏 𑰐 𑰑 𑰒 𑰓 𑰔 𑰕 𑰖 𑰗 𑰘 𑰙 𑰚 𑰛 𑰜 𑰝 𑰞 𑰟 𑰠 𑰡 𑰢 𑰣 𑰤 𑰥 𑰦 𑰧 𑰨 𑰩 𑰪 𑰫 𑰬 𑰭 𑰮 𑰯 𑰰 𑰱 𑰲 𑰳 𑰴 𑰵 𑰶 𑰷 𑰸 𑰹 𑰺 𑰻 𑰼 𑰽 𑰾 𑰿 𑱀 𑱁 𑱂 𑱃 𑱄 𑱅 𑱆 𑱇 𑱈 𑱉 𑱊 𑱋 𑱌 𑱍 𑱎 𑱏 𑱐 𑱑 𑱒 𑱓 𑱔 𑱕 𑱖 𑱗 𑱘 𑱙 𑱚 𑱛 𑱜 𑱝 𑱞 𑱟 𑱠 𑱡 𑱢 𑱣 𑱤 𑱥 𑱦 𑱧 𑱨 𑱩 𑱪 𑱫 𑱬 𑱭 𑱮 𑱯 𑱰 𑱱 𑱲 𑱳 𑱴 𑱵 𑱶 𑱷 𑱸 𑱹 𑱺 𑱻 𑱼 𑱽 𑱾 𑱿 𑲀 𑲁 𑲂 𑲃 𑲄 𑲅 𑲆 𑲇 𑲈 𑲉 𑲊 𑲋 𑲌 𑲍 𑲎 𑲏 𑲐 𑲑 𑲒 𑲓 𑲔 𑲕 𑲖 𑲗 𑲘 𑲙 𑲚 𑲛 𑲜 𑲝 𑲞 𑲟 𑲠 𑲡 𑲢 𑲣 𑲤 𑲥 𑲦 𑲧 𑲨 𑲩 𑲪 𑲫 𑲬 𑲭 𑲮 𑲯 𑲰 𑲱 𑲲 𑲳 𑲴 𑲵 𑲶 𑲷 𑲸 𑲹 𑲺 𑲻 𑲼 𑲽 𑲾 𑲿 𑳀 𑳁 𑳂 𑳃 𑳄 𑳅 𑳆 𑳇 𑳈 𑳉 𑳊 𑳋 𑳌 𑳍 𑳎 𑳏 𑳐 𑳑 𑳒 𑳓 𑳔 𑳕 𑳖 𑳗 𑳘 𑳙 𑳚 𑳛 𑳜 𑳝 𑳞 𑳟 𑳠 𑳡 𑳢 𑳣 𑳤 𑳥 𑳦 𑳧 𑳨 𑳩 𑳪 𑳫 𑳬 𑳭 𑳮 𑳯 𑳰 𑳱 𑳲 𑳳 𑳴 𑳵 𑳶 𑳷 𑳸 𑳹 𑳺 𑳻 𑳼 𑳽 𑳾 𑳿 𑴀 𑴁 𑴂 𑴃 𑴄 𑴅 𑴆 𑴇 𑴈 𑴉 𑴊 𑴋 𑴌 𑴍 𑴎 𑴏 𑴐 𑴑 𑴒 𑴓 𑴔 𑴕 𑴖 𑴗 𑴘 𑴙 𑴚 𑴛 𑴜 𑴝 𑴞 𑴟 𑴠 𑴡 𑴢 𑴣 𑴤 𑴥 𑴦 𑴧 𑴨 𑴩 𑴪 𑴫 𑴬 𑴭 𑴮 𑴯 𑴰 𑴱 𑴲 𑴳 𑴴 𑴵 𑴶 𑴷 𑴸 𑴹 𑴺 𑴻 𑴼 𑴽 𑴾 𑴿 𑵀 𑵁 𑵂 𑵃 𑵄 𑵅 𑵆 𑵇 𑵈 𑵉 𑵊 𑵋 𑵌 𑵍 𑵎 𑵏 𑵐 𑵑 𑵒 𑵓 𑵔 𑵕 𑵖 𑵗 𑵘 𑵙 𑵚 𑵛 𑵜 𑵝 𑵞 𑵟 𑵠 𑵡 𑵢 𑵣 𑵤 𑵥 𑵦 𑵧 𑵨 𑵩 𑵪 𑵫 𑵬 𑵭 𑵮 𑵯 𑵰 𑵱 𑵲 𑵳 𑵴 𑵵 𑵶 𑵷 𑵸 𑵹 𑵺 𑵻 𑵼 𑵽 𑵾 𑵿 𑶀 𑶁 𑶂 𑶃 𑶄 𑶅 𑶆 𑶇 𑶈 𑶉 𑶊 𑶋 𑶌 𑶍 𑶎 𑶏 𑶐 𑶑 𑶒 𑶓 𑶔 𑶕 𑶖 𑶗 𑶘 𑶙 𑶚 𑶛 𑶜 𑶝 𑶞 𑶟 𑶠 𑶡 𑶢 𑶣 𑶤 𑶥 𑶦 𑶧 𑶨 𑶩 𑶪 𑶫 𑶬 𑶭 𑶮 𑶯 𑶰 𑶱 𑶲 𑶳 𑶴 𑶵 𑶶 𑶷 𑶸 𑶹 𑶺 𑶻 𑶼 𑶽 𑶾 𑶿 𑷀 𑷁 𑷂 𑷃 𑷄 𑷅 𑷆 𑷇 𑷈 𑷉 𑷊 𑷋 𑷌 𑷍 𑷎 𑷏 𑷐 𑷑 𑷒 𑷓 𑷔 𑷕 𑷖 𑷗 𑷘 𑷙 𑷚 𑷛 𑷜 𑷝 𑷞 𑷟 𑷠 𑷡 𑷢 𑷣 𑷤 𑷥 𑷦 𑷧 𑷨 𑷩 𑷪 𑷫 𑷬 𑷭 𑷮 𑷯 𑷰 𑷱 𑷲 𑷳 𑷴 𑷵 𑷶 𑷷 𑷸 𑷹 𑷺 𑷻 𑷼 𑷽 𑷾 𑷿 𑸀 𑸁 𑸂 𑸃 𑸄 𑸅 𑸆 𑸇 𑸈 𑸉 𑸊 𑸋 𑸌 𑸍 𑸎 𑸏 𑸐 𑸑 𑸒 𑸓 𑸔 𑸕 𑸖 𑸗 𑸘 𑸙 𑸚 𑸛 𑸜 𑸝 𑸞 𑸟 𑸠 𑸡 𑸢 𑸣 𑸤 𑸥 𑸦 𑸧 𑸨 𑸩 𑸪 𑸫 𑸬 𑸭 𑸮 𑸯 𑸰 𑸱 𑸲 𑸳 𑸴 𑸵 𑸶 𑸷 𑸸 𑸹 𑸺 𑸻 𑸼 𑸽 𑸾 𑸿 𑹀 𑹁 𑹂 𑹃 𑹄 𑹅 𑹆 𑹇 𑹈 𑹉 𑹊 𑹋 𑹌 𑹍 𑹎 𑹏 𑹐 𑹑 𑹒 𑹓 𑹔 𑹕 𑹖 𑹗 𑹘 𑹙 𑹚 𑹛 𑹜 𑹝 𑹞 𑹟 𑹠 𑹡 𑹢 𑹣 𑹤 𑹥 𑹦 𑹧 𑹨 𑹩 𑹪 𑹫 𑹬 𑹭 𑹮 𑹯 𑹰 𑹱 𑹲 𑹳 𑹴 𑹵 𑹶 𑹷 𑹸 𑹹 𑹺 𑹻 𑹼 𑹽 𑹾 𑹿 𑺀 𑺁 𑺂 𑺃 𑺄 𑺅 𑺆 𑺇 𑺈 𑺉 𑺊 𑺋 𑺌 𑺍 𑺎 𑺏 𑺐 𑺑 𑺒 𑺓 𑺔 𑺕 𑺖 𑺗 𑺘 𑺙 𑺚 𑺛 𑺜 𑺝 𑺞 𑺟 𑺠 𑺡 𑺢 𑺣 𑺤 𑺥 𑺦 𑺧 𑺨 𑺩 𑺪 𑺫 𑺬 𑺭 𑺮 𑺯

Thắng Đản Tuệ(hai ngón út) Thiên Trí(hai ngón cái)

Tam Muội Gia Liên Hoa

Được thành Liên Hoa Bộ

Chủ Tể của Chuyển Luân

Chân Ngôn là:”ÁN – Phộc nhật la, bát nột ma, tam ma dã, tát đát noan”

轉 向 忝 扔 痧 屹 互 伏 養

\*OMĪ – VAJRA PADMA SAMAYA STVAMĪ

Trong Thức A Lại Gia

Phản ngược chủng Bồ Đề

Tiếp kết Pháp Luân Ấn

Tồi phá Luân Yêm Ly

Tức Liên Hoa Ấn trước

Đản Tuệ(hai ngón út) giao thắng cứng

Kéo đẩy ở tim mình

Liên diệt Chủng Nhị Thừa

Chân Ngôn là: “Hồng – Tra chỉ sa phỏ tra dã, ma hạ vĩ la nga, phộc nhật lam, phộc nhật la đà la, tát đế duệ năng thá”.

嫵 巴 趙 彫 巴 伏 互 扣 合 全 丫 向 怪 向 忝 四 先 屹 抖 巧 比

\*HUMĪ TĪAKKI SPHOTĪAYA – MAHÀ VIRÀGA VAJRAMĪ  
VAJRADHÀRA SATYE NATĪHAHĪ.

Tiếp kết Đại Dục Ân

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Thiên (ngón cái phải) vào hồ khẩu Trí (ngón cái trái)

Chân Ngôn là:” ÁN – Tố la đá, phộc nhật lam, nhược, hồng, noan, hóc – tát ma gia tát đất noan”

𨮒 𨮒先凹 向怪 怕 𨮒 圳 旭 屹互伏 𨮒

\*OMĪ – SURATA VAJRAMĪ – JAHĪ HŪMĪ VAMĪ HOHĪ – SAMAYA STVAMĪ.

Đại Lạc Bất Không Thân

Ân khế giống như trên

Nguyện khắp các Hữu Tình

Mau chứng Như Lai Địa (Tathàgata Bhùmi)

Người Tu hành Du Già

Tự thành Trí Đại Nhiễm

Mãn Đại Dục Bồ Đề

Viên thành chủng Đại Bi

Chân Ngôn là: “ÁN – Ma hạ tố khư, phộc nhật lam sa đà dã – Tát phộc tát đất phệ tỳ dữu – Nhược, hồng, noan, Hóc”

𨮒 互扣 𨮒几 向怪 州叻伏 屹楠 屹珞言 切 𨮒 嶧 𨮒

\*OMĪ – MAHÀ SUKHA VAJRAMĪ SÀDHAYA – SARVA SATVEBHĪ – JAHĪ HŪMĪ VAMĪ HOHĪ.

Tiếp kết Câu Triệu Ân



Hai vũ(2 tay) Kim Cương Phộc

Duỗi Nhẫn Nguyệt (hai ngón giữa) như Kim

Co Tiến Lực (hai ngón trỏ) như câu (móc câu)

Khởi Tâm Đại Bi Mẫn

Đến, đi mà quán tưởng

Triệu các tội Hữu Tình

Ba nẻo ác thân mình

Triệu mọi tội vào chưởng (lòng bàn tay)

Màu đen như sương mù

Đa số là hình Quỷ

Chân Ngôn là: “ÁN – Tát phộc bá ba, ca lật sái noa vĩ thú đà nãng, phộc  
nhật la tát đất phộc, tam ma đã, Hồng nhược”

𠵼 屹楠 扒扔一溶仕 合夸叻巧 向忝屹玆 屹互伏 嫿 切

\*OMĪ - SARVA PĀPA AKARŚĪANĪA VI‘SODHANA VAJRASATVA  
SAMAYA – HŪMĪ JAHĪ

Tiếp kết Tội Tội Ân

Tám Độ (tám ngón tay) cùng cài trong

Nhẫn Nguyệt (hai ngón giữa) dựng như trước

Nên quán Chày Độc Cổ

Cần quán thân tướng mình



𨮒 向忝一獲 合夸盍伏 屹楠 挑向先仕市 后益 屹芒巧 屹互伏 嫿

\*OMĪ – VAJRA KARMA VI‘SUDDHĀYA SARVA AVARANĪANI \_  
BUDDHA SATYENA SAMAYA HŪMĪ.

Tiếp thành Tâm Bồ Đề

Khiến ta người viên mãn

Liên như Liên Hoa Khế

Dựng Đàn Tuệ (hai ngón út) Thiền Trí (hai ngón cái)

Đặt bên trái đỉnh đầu

Chân Ngôn là: “ÁN – Tán nại lỗ đa lê, tam mãn đá bà nại la chi la ni, ma hạ  
phộc nhật lệ ni, hồng”

𨮒 弋趨柰刑 屹互寒矛治 丁先仗 互扣 向忝仗 嫿

\*OMĪ – CANDRA UTTARE SAMANTABHADRA KIRANĪI – MAHĀ  
VAJRINĪI HŪMĪ.

Vận tâm các Hữu Tình

Trên trăng, uy Như Lai

Mau thành như Phổ Hiền

Kinh Du Già đã nói

Nên kết Già Phu Tọa

Chẳng lay động chi tiết

Nên kết Ấn Đăng Trì

Hai vũ(2 tay) Kim Cương Phộc

Ngũs đặ ở dưoi rón

Thắg thân đừg lay đợg

Lưỡi trự trên nóg hợg

Ngung thờ khiế vi tế (nhỏ nhiệm)

Đế quán (chân thành quán) các Pháp Tính

Đều do ở tâm mình

Phiền Nã, Tùy Phiền Nã

Nhóm: Uẩn, Giới, các Xứ

Đều như huyế, dương diệ (ảo ảnh do bóng nắng)

Như thành Càn Đạ Bà

Cũng như vòng lửa xoay

Như tiếng dội trong hang

Như vậy Đế Quán xong

Chắg thấy ở thân tâm

Trự tịch diệ bình đắg

Cứu cánh chân thật Trí

Liền quán trong Hư Không

Chư Phật như hạt mè

Tràn đầy Hư Không Giới

Tườg thân chúg Thập Địa

Trụ ở bờ như Chân (như Chân Tế)

Các Như Lai trong Không

Búng tay rời cảnh giác

Nói rằng: Thiện Nam Tử!

Nơi sở chướng của người

Là Nhất Đạo thanh tịnh

Kim Cương dụ Tam Muội

Với đấng Tát Bà Nhược (Sarva jñõa – Nhất Thiết Trí)

Còn chưa thể chứng biết

Đừng cho đây là đủ

Nên mãi tức phỏ Hiền

Mới thành Tối Chánh Giác

Thân tâm chẳng lay động

Trong Định, lễ chư Phật

Chân Ngôn là:” AN – Tát phộc đát tha nga đá, bá ná mãn na nãm, ca lỗ nhĩ”

𑖀 𑖂𑖄𑖆 𑖈𑖊𑖌 𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖡𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓𑦔𑦕𑦖𑦗𑦘𑦙𑦚𑦛𑦜𑦝𑦞𑦟𑦠𑦡𑦢𑦣𑦤𑦥𑦦𑦧𑦨𑦩𑦪𑦫𑦬𑦭𑦮𑦯𑦰𑦱𑦲𑦳𑦴𑦵𑦶𑦷𑦸𑦹𑦺𑦻𑦼𑦽𑦾𑦿𑧀𑧁𑧂𑧃𑧄𑧅𑧆𑧇𑧈𑧉𑧊𑧋𑧌𑧍𑧎𑧏𑧐𑧑𑧒𑧓𑧔𑧕𑧖𑧗𑧘𑧙𑧚𑧛𑧜𑧝𑧞𑧟𑧠𑧡𑧢𑧣𑧤𑧥𑧦𑧧𑧨𑧩𑧪𑧫𑧬𑧭𑧮𑧯𑧰𑧱𑧲𑧳𑧴𑧵𑧶𑧷𑧸𑧹𑧺𑧻𑧼𑧽𑧾𑧿𑨀𑨁𑨂𑨃𑨄𑨅𑨆𑨇𑨈𑨉𑨊𑨋𑨌𑨍𑨎𑨏𑨐𑨑𑨒𑨓𑨔𑨕𑨖𑨗𑨘𑨙𑨚𑨛𑨜𑨝𑨞𑨟𑨠𑨡𑨢𑨣𑨤𑨥𑨦𑨧𑨨𑨩𑨪𑨫𑨬𑨭𑨮𑨯𑨰𑨱𑨲𑨳𑨴𑨵𑨶𑨷𑨸𑨹𑨺𑨻𑨼𑨽𑨾𑨿𑩀𑩁𑩂𑩃𑩄𑩅𑩆𑩇𑩈𑩉𑩊𑩋𑩌𑩍𑩎𑩏𑩐𑩑𑩒𑩓𑩔𑩕𑩖𑩗𑩘𑩙𑩚𑩛𑩜𑩝𑩞𑩟𑩠𑩡𑩢𑩣𑩤𑩥𑩦𑩧𑩨𑩩𑩪𑩫𑩬𑩭𑩮𑩯𑩰𑩱𑩲𑩳𑩴𑩵𑩶𑩷𑩸𑩹𑩺𑩻𑩼𑩽𑩾𑩿𑪀𑪁𑪂𑪃𑪄𑪅𑪆𑪇𑪈𑪉𑪊𑪋𑪌𑪍𑪎𑪏𑪐𑪑𑪒𑪓𑪔𑪕𑪖𑪗𑪘𑪙𑪚𑪛𑪜𑪝𑪞𑪟𑪠𑪡𑪢𑪣𑪤𑪥𑪦𑪧𑪨𑪩𑪪𑪫𑪬𑪭𑪮𑪯𑪰𑪱𑪲𑪳𑪴𑪵𑪶𑪷𑪸𑪹𑪺𑪻𑪼𑪽𑪾𑪿𑫀𑫁𑫂𑫃𑫄𑫅𑫆𑫇𑫈𑫉𑫊𑫋𑫌𑫍𑫎𑫏𑫐𑫑𑫒𑫓𑫔𑫕𑫖𑫗𑫘𑫙𑫚𑫛𑫜𑫝𑫞𑫟𑫠𑫡𑫢𑫣𑫤𑫥𑫦𑫧𑫨𑫩𑫪𑫫𑫬𑫭𑫮𑫯𑫰𑫱𑫲𑫳𑫴𑫵𑫶𑫷𑫸𑫹𑫺𑫻𑫼𑫽𑫾𑫿𑬀𑬁𑬂𑬃𑬄𑬅𑬆𑬇𑬈𑬉𑬊𑬋𑬌𑬍𑬎𑬏𑬐𑬑𑬒𑬓𑬔𑬕𑬖𑬗𑬘𑬙𑬚𑬛𑬜𑬝𑬞𑬟𑬠𑬡𑬢𑬣𑬤𑬥𑬦𑬧𑬨𑬩𑬪𑬫𑬬𑬭𑬮𑬯𑬰𑬱𑬲𑬳𑬴𑬵𑬶𑬷𑬸𑬹𑬺𑬻𑬼𑬽𑬾𑬿𑭀𑭁𑭂𑭃𑭄𑭅𑭆𑭇𑭈𑭉𑭊𑭋𑭌𑭍𑭎𑭏𑭐𑭑𑭒𑭓𑭔𑭕𑭖𑭗𑭘𑭙𑭚𑭛𑭜𑭝𑭞𑭟𑭠𑭡𑭢𑭣𑭤𑭥𑭦𑭧𑭨𑭩𑭪𑭫𑭬𑭭𑭮𑭯𑭰𑭱𑭲𑭳𑭴𑭵𑭶𑭷𑭸𑭹𑭺𑭻𑭼𑭽𑭾𑭿𑮀𑮁𑮂𑮃𑮄𑮅𑮆𑮇𑮈𑮉𑮊𑮋𑮌𑮍𑮎𑮏𑮐𑮑𑮒𑮓𑮔𑮕𑮖𑮗𑮘𑮙𑮚𑮛𑮜𑮝𑮞𑮟𑮠𑮡𑮢𑮣𑮤𑮥𑮦𑮧𑮨𑮩𑮪𑮫𑮬𑮭𑮮𑮯𑮰𑮱𑮲𑮳𑮴𑮵𑮶𑮷𑮸𑮹𑮺𑮻𑮼𑮽𑮾𑮿𑯀𑯁𑯂𑯃𑯄𑯅𑯆𑯇𑯈𑯉𑯊𑯋𑯌𑯍𑯎𑯏𑯐𑯑𑯒𑯓𑯔𑯕𑯖𑯗𑯘𑯙𑯚𑯛𑯜𑯝𑯞𑯟𑯠𑯡𑯢𑯣𑯤𑯥𑯦𑯧𑯨𑯩𑯪𑯫𑯬𑯭𑯮𑯯𑯰𑯱𑯲𑯳𑯴𑯵𑯶𑯷𑯸𑯹𑯺𑯻𑯼𑯽𑯾𑯿𑰀𑰁𑰂𑰃𑰄𑰅𑰆𑰇𑰈𑰉𑰊𑰋𑰌𑰍𑰎𑰏𑰐𑰑𑰒𑰓𑰔𑰕𑰖𑰗𑰘𑰙𑰚𑰛𑰜𑰝𑰞𑰟𑰠𑰡𑰢𑰣𑰤𑰥𑰦𑰧𑰨𑰩𑰪𑰫𑰬𑰭𑰮𑰯𑰰𑰱𑰲𑰳𑰴𑰵𑰶𑰷𑰸𑰹𑰺𑰻𑰼𑰽𑰾𑰿𑱀𑱁𑱂𑱃𑱄𑱅𑱆𑱇𑱈𑱉𑱊𑱋𑱌𑱍𑱎𑱏𑱐𑱑𑱒𑱓𑱔𑱕𑱖𑱗𑱘𑱙𑱚𑱛𑱜𑱝𑱞𑱟𑱠𑱡𑱢𑱣𑱤𑱥𑱦𑱧𑱨𑱩𑱪𑱫𑱬𑱭𑱮𑱯𑱰𑱱𑱲𑱳𑱴𑱵𑱶𑱷𑱸𑱹𑱺𑱻𑱼𑱽𑱾𑱿𑲀𑲁𑲂𑲃𑲄𑲅𑲆𑲇𑲈𑲉𑲊𑲋𑲌𑲍𑲎𑲏𑲐𑲑𑲒𑲓𑲔𑲕𑲖𑲗𑲘𑲙𑲚𑲛𑲜𑲝𑲞𑲟𑲠𑲡𑲢𑲣𑲤𑲥𑲦𑲧𑲨𑲩𑲪𑲫𑲬𑲭𑲮𑲯𑲰𑲱𑲲𑲳𑲴𑲵𑲶𑲷𑲸𑲹𑲺𑲻𑲼𑲽𑲾𑲿𑳀𑳁𑳂𑳃𑳄𑳅𑳆𑳇𑳈𑳉𑳊𑳋𑳌𑳍𑳎𑳏𑳐𑳑𑳒𑳓𑳔𑳕𑳖𑳗𑳘𑳙𑳚𑳛𑳜𑳝𑳞𑳟𑳠𑳡𑳢𑳣𑳤𑳥𑳦𑳧𑳨𑳩𑳪𑳫𑳬𑳭𑳮𑳯𑳰𑳱𑳲𑳳𑳴𑳵𑳶𑳷𑳸𑳹𑳺𑳻𑳼𑳽𑳾𑳿𑴀𑴁𑴂𑴃𑴄𑴅𑴆𑴇𑴈𑴉𑴊𑴋𑴌𑴍𑴎𑴏𑴐𑴑𑴒𑴓𑴔𑴕𑴖𑴗𑴘𑴙𑴚𑴛𑴜𑴝𑴞𑴟𑴠𑴡𑴢𑴣𑴤𑴥𑴦𑴧𑴨𑴩𑴪𑴫𑴬𑴭𑴮𑴯𑴰𑴱𑴲𑴳𑴴𑴵𑴶𑴷𑴸𑴹𑴺𑴻𑴼𑴽𑴾𑴿𑵀𑵁𑵂𑵃𑵄𑵅𑵆𑵇𑵈𑵉𑵊𑵋𑵌𑵍𑵎𑵏𑵐𑵑𑵒𑵓𑵔𑵕𑵖𑵗𑵘𑵙𑵚𑵛𑵜𑵝𑵞𑵟𑵠𑵡𑵢𑵣𑵤𑵥𑵦𑵧𑵨𑵩𑵪𑵫𑵬𑵭𑵮𑵯𑵰𑵱𑵲𑵳𑵴𑵵𑵶𑵷𑵸𑵹𑵺𑵻𑵼𑵽𑵾𑵿𑶀𑶁𑶂𑶃𑶄𑶅𑶆𑶇𑶈𑶉𑶊𑶋𑶌𑶍𑶎𑶏𑶐𑶑𑶒𑶓𑶔𑶕𑶖𑶗𑶘𑶙𑶚𑶛𑶜𑶝𑶞𑶟𑶠𑶡𑶢𑶣𑶤𑶥𑶦𑶧𑶨𑶩𑶪𑶫𑶬𑶭𑶮𑶯𑶰𑶱𑶲𑶳𑶴𑶵𑶶𑶷𑶸𑶹𑶺𑶻𑶼𑶽𑶾𑶿𑷀𑷁𑷂𑷃𑷄𑷅𑷆𑷇𑷈𑷉𑷊𑷋𑷌𑷍𑷎𑷏𑷐𑷑𑷒𑷓𑷔𑷕𑷖𑷗𑷘𑷙𑷚𑷛𑷜𑷝𑷞𑷟𑷠𑷡𑷢𑷣𑷤𑷥𑷦𑷧𑷨𑷩𑷪𑷫𑷬𑷭𑷮𑷯𑷰𑷱𑷲𑷳𑷴𑷵𑷶𑷷𑷸𑷹𑷺𑷻𑷼𑷽𑷾𑷿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑹀𑹁𑹂𑹃𑹄𑹅𑹆𑹇𑹈𑹉𑹊𑹋𑹌𑹍𑹎𑹏𑹐𑹑𑹒𑹓𑹔𑹕𑹖𑹗𑹘𑹙𑹚𑹛𑹜𑹝𑹞𑹟𑹠𑹡𑹢𑹣𑹤𑹥𑹦𑹧𑹨𑹩𑹪𑹫𑹬𑹭𑹮𑹯𑹰𑹱𑹲𑹳𑹴𑹵𑹶𑹷𑹸𑹹𑹺𑹻𑹼𑹽𑹾𑹿𑺀𑺁𑺂𑺃𑺄𑺅𑺆𑺇𑺈𑺉𑺊𑺋𑺌𑺍𑺎𑺏𑺐𑺑𑺒𑺓𑺔𑺕𑺖𑺗𑺘𑺙𑺚𑺛𑺜𑺝𑺞𑺟𑺠𑺡𑺢𑺣𑺤𑺥𑺦𑺧𑺨𑺩𑺪𑺫𑺬𑺭𑺮𑺯𑺰𑺱𑺲𑺳𑺴𑺵𑺶𑺷𑺸𑺹𑺺𑺻𑺼𑺽𑺾𑺿𑻀𑻁𑻂𑻃𑻄𑻅𑻆𑻇𑻈𑻉𑻊𑻋𑻌𑻍𑻎𑻏𑻐𑻑𑻒𑻓𑻔𑻕𑻖𑻗𑻘𑻙𑻚𑻛𑻜𑻝𑻞𑻟𑻠𑻡𑻢𑻣𑻤𑻥𑻦𑻧𑻨𑻩𑻪𑻫𑻬𑻭𑻮𑻯𑻰𑻱𑻲𑻳𑻴𑻵𑻶𑻷𑻸𑻹𑻺𑻻𑻼𑻽𑻾𑻿𑼀𑼁𑼂𑼃𑼄𑼅𑼆𑼇𑼈𑼉𑼊𑼋𑼌𑼍𑼎𑼏𑼐𑼑𑼒𑼓𑼔𑼕𑼖𑼗𑼘𑼙𑼚𑼛𑼜𑼝𑼞𑼟𑼠𑼡𑼢𑼣𑼤𑼥𑼦𑼧𑼨𑼩𑼪𑼫𑼬𑼭𑼮𑼯𑼰𑼱𑼲𑼳𑼴𑼵𑼶𑼷𑼸𑼹𑼺𑼻𑼼𑼽𑼾𑼿𑽀𑽁𑽂𑽃𑽄𑽅𑽆𑽇𑽈𑽉𑽊𑽋𑽌𑽍𑽎𑽏𑽐𑽑𑽒𑽓𑽔𑽕𑽖𑽗𑽘𑽙𑽚𑽛𑽜𑽝𑽞𑽟𑽠𑽡𑽢𑽣𑽤𑽥𑽦𑽧𑽨𑽩𑽪𑽫𑽬𑽭𑽮𑽯𑽰𑽱𑽲𑽳𑽴𑽵𑽶𑽷𑽸𑽹𑽺𑽻𑽼𑽽𑽾𑽿𑾀𑾁𑾂𑾃𑾄𑾅𑾆𑾇𑾈𑾉𑾊𑾋𑾌𑾍𑾎𑾏𑾐𑾑𑾒𑾓𑾔𑾕𑾖𑾗𑾘𑾙𑾚𑾛𑾜𑾝𑾞𑾟𑾠𑾡𑾢𑾣𑾤𑾥𑾦𑾧𑾨𑾩𑾪𑾫𑾬𑾭𑾮𑾯𑾰𑾱𑾲𑾳𑾴𑾵𑾶𑾷𑾸𑾹𑾺𑾻𑾼𑾽𑾾𑾿𑿀𑿁𑿂𑿃𑿄𑿅𑿆𑿇𑿈𑿉𑿊𑿋𑿌𑿍𑿎𑿏𑿐𑿑𑿒𑿓𑿔𑿕𑿖𑿗𑿘𑿙𑿚𑿛𑿜𑿝𑿞𑿟𑿠𑿡𑿢𑿣𑿤𑿥𑿦𑿧𑿨𑿩𑿪𑿫𑿬𑿭𑿮𑿯𑿰𑿱𑿲𑿳𑿴𑿵𑿶𑿷𑿸𑿹𑿺𑿻𑿼𑿽𑿾𑿿𑀀𑀁𑀂𑀃𑀄𑀅𑀆𑀇𑀈𑀉𑀊𑀋𑀌𑀍𑀎𑀏𑀐𑀑𑀒𑀓𑀔𑀕𑀖𑀗𑀘𑀙𑀚𑀛𑀜𑀝𑀞𑀟𑀠𑀡𑀢𑀣𑀤𑀥𑀦𑀧𑀨𑀩𑀪𑀫𑀬𑀭𑀮𑀯𑀰𑀱𑀲𑀳𑀴𑀵𑀶𑀷𑀸𑀹𑀺𑀻𑀼𑀽𑀾𑀿𑁀𑁁𑁂𑁃𑁄𑁅𑁆𑁇𑁈𑁉𑁊𑁋𑁌𑁍𑁎𑁏𑁐𑁑𑁒𑁓𑁔𑁕𑁖𑁗𑁘𑁙𑁚𑁛𑁜𑁝𑁞𑁟𑁠𑁡𑁢𑁣𑁤𑁥𑁦𑁧𑁨𑁩𑁪𑁫𑁬𑁭𑁮𑁯𑁰𑁱𑁲𑁳𑁴𑁵𑁶𑁷𑁸𑁹𑁺𑁻𑁼𑁽𑁾𑁿𑂀𑂁𑂂𑂃𑂄𑂅𑂆𑂇𑂈𑂉𑂊𑂋𑂌𑂍𑂎𑂏𑂐𑂑𑂒𑂓𑂔𑂕𑂖𑂗𑂘𑂙𑂚𑂛𑂜𑂝𑂞𑂟𑂠𑂡𑂢𑂣𑂤𑂥𑂦𑂧𑂨𑂩𑂪𑂫𑂬𑂭𑂮𑂯𑂰𑂱𑂲𑂳𑂴𑂵𑂶𑂷𑂸𑂺𑂹𑂻𑂼𑂽𑂾𑂿𑃀𑃁𑃂𑃃𑃄𑃅𑃆𑃇𑃈𑃉𑃊𑃋𑃌𑃍𑃎𑃏𑃐𑃑𑃒𑃓𑃔𑃕𑃖𑃗𑃘𑃙𑃚𑃛𑃜𑃝𑃞𑃟𑃠𑃡𑃢𑃣𑃤𑃥𑃦𑃧𑃨𑃩𑃪𑃫𑃬𑃭𑃮𑃯𑃰𑃱𑃲𑃳𑃴𑃵𑃶𑃷𑃸𑃹𑃺𑃻𑃼𑃽𑃾𑃿𑄀𑄁𑄂𑄃𑄄

Chỉ con nơi Sở Hành

Chư Phật cùng bảo rằng

Ngươi nên quán tự tâm (tâm của mình)

Đã nghe lời ấy xong

Như giáo quán tâm mình

Trụ lâu, chân thành quán (để quán sát)

Chẳng thấy tướng tâm mình

Lại tưởng lễ chân Phật

Bạch rằng: Tôi thắng Tôn

Con chẳng thấy tâm mình

Tâm này tướng thế nào?

Chư Phật đều bảo rằng

Tướng tâm khó đo lường

Trao cho Tâm Chân Ngôn

Liên tụng: Triệt Tâm Minh (bài chú làm cho tâm sáng suốt thông đạt)

Quán Tâm như vành trăng

Như ở trong sương mù

Để quán sát Như Lý

Chân Ngôn là: “ÁN – Tức đá bát la để vị đạm ca lổ nhĩ”

較才柰盲凸吒尼一勿亦

OMĪ – CITTA PRATIVEDHAMĪ KARA UMI

Tặng Thức vốn chẳng nhiễm

Thanh tịnh không hoen ố

Lâu ngày gom Phước Trí

Ví như vành trăng trong

Không thể cũng không việc

Liên nói chẳng là Trăng

Do đủ Phước Trí nên

Tâm mình như trăng đầy

Tâm mừng rỡ vui vẻ

Lại bạch: Các Thế Tôn!

Con đã thấy tâm mình

Thanh tịnh như trăng đầy

Lìa các phiền não cấu (bụi như phiền não)

Nhóm Năng Chấp, Sở Chấp

Chư Phật đều bảo rằng:

Tâm người vốn như vậy

Vì khách trần che lấp

Tâm Bồ Đề là Tịnh

Ngươi quán vành Trăng trong

Được chứng tâm Bồ Đề

Truyền Tâm Chân Ngôn này

Mật tụng mà quán sát

Chân Ngôn là: “ÁN – Mạo địa tức đá một đất ba na dã nhĩ”

轉 回 囚 才 柰 齋 痾 叨 仲 亦

OMĪ – BODHICITTAM UTPĀDA YĀMI

Hay khiến vành trăng tim

Tròn đầy hiển sáng rực

Chư Phật lại bảo rằng:

Tâm Bồ Đề bền chắc

Lại trao Tâm Chân Ngôn

Quán hoa sen Kim Cương

Chân Ngôn là: “ÁN – Tóc khất xoa ma, phộc nhật la”

轉 鉏 幞 向 忝

OMĪ – SUKSĪMA VAJRA

Quán Ngũ Cỏ kim Cương

Chân Ngôn là: “ÁN – Đê sắt xá, phộc nhật la”

轉 凸 洩 向 忝



OMĪ – TISĪTĪA VAJRA

Người ở vành trăng trong

Quán Ngũ Trí Kim Cương

Khiến vòng khắp Pháp Giới

Chỉ một Đại Kim Cương

Tiệm Quảng (lớn dần) Chân Ngôn là:

“ÁN – Sa phả la, phộc nhật la”

𑖀 𑖂𑖄𑖆 𑖈𑖊𑖌

OMĪ – SPHARA VAJRA

Liếm Lược (thu nhỏ) Chân Ngôn là:

“ÁN – Tăng hạ la, phộc nhật la”

𑖀 𑖂𑖄𑖆 𑖈𑖊𑖌

OMĪ – SAMĪHARA VAJRA

Cần phải biết thân mình

Tức là Kim Cương Giới

Chân Ngôn là: “ÁN – Phộc nhật la đát ma cú hàm”

𑖀 𑖂𑖄𑖆 𑖈𑖊𑖌 𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑

OMĪ – VAJRA ATMAKA UHAMĪ

Thân mình là Kim cương





4. ÁN – Phộc nhật la tát đát phộc địa sắt xá, sa phộc hàm, Aùc

𨾏 向忝屹班囚泐 送蕪振珩

OMĪ – VAJRASATVA ADHISĪTĪA SVÀMAMĪ AHĪ

Đã gia trì thân xong

Tiếp nên nhận Quán Đỉnh

Năm Như Lai Ân Khế

Đều như Tam Muội Gia

Chiếu khắp rưới đỉnh đầu

Bất Động Phật ở trán

Bảo Sinh bên phải đỉnh

Vô Lượng Thọ sau đỉnh

Bất Không Thành Tựu Phật

Nên ở bên trái đỉnh

Chân Ngôn là:

1. ÁN – Tát phộc đát tha nga đỏi, thấp phộc lị dã tị sái kế- Noan

𨾏 屹楠凹卡丫包鄔搜石守一 圳

OMĪ – SARVA TATHÀGATE‘SVARYA ABHISĪAIKA VAMĪ

2. ÁN –Phộc nhật la tát đát phộc tị sắt tả hàm – Hồng

𨾏 向忝屹班石趯弋 蕪 嫿



𨮒 向忝四珞 交匠石𨮒弋 𨮒 圳

OMĪ – VAJRADHĀTVE MĀLA ABHISĪMĪCA MĀMĪ – VAMĪ

Tiếp đối với Hữu Tình

Nên hưng Tâm Đại Bi

Trong sanh tử vô tận

Luôn mặc giáp Đại Thệ

Vì tình quốc thổ Phật

Giáng phục các Thiên Ma

Thành Tối Chính Giác, nên

Mặc giáp Trụ Như Lai

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Quyền

Ngay tim đuổi Tiến Lực (hai ngón trỏ)

Hai Độ (hai ngón tay) cùng ràng cột (xoay vòng như cột thẳng)

Tim, lưng, rồi hai gối

Rón, eo đến hai vai

Họng, cổ, trán, đỉnh đầu

Mỗi mỗi đều chuyển buộc

Từ từ rũ xuống dưới

Trước buông từ Đản Tuệ (hai ngón út)

Liên hay Hộ tất cả

Thiên Ma chẳng dám hại

Chân Ngôn là: “ÁN – Châm”

𨮒 𨮒

OMĪ – TĪUMĪ

Tiếp đến Kim Cương Phách

Ngang chuông vỗ ba lần

Do uy lực Ân này

Buộc giải, giải các buộc

Liên thành giáp bên chắc

Thánh Chúng đều vui vẻ

Đắc được Thẻ Kim Cương

Như Kim Cương Tát Đỏa

Chân Ngôn là: “ÁN – Phộc nhật la đỗ sử dã, hộc”

𨮒 向 忝 加 併 𨮒

OMĪ – VAJRA TUSĪYA HOHĪ

Tiếp kết Hiện Trí Thân

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Thiền Trí (hai ngón cái) vào trong chuông

Trước thân, tưởng vành trăng

Ở trong quán Bản Tôn

Đế Quán nơi tướng tốt

Biển Nhập (vào khắp) Kim Cương xong

Đại Ân như Nghi Tắc

Trước thân cần phải kết

Suy tư Đại Tát Đỏa

Chân Ngôn là: “ÁN – Phộc nhật la tát đát phộc, ác”

轉 向 忝 屹 茲 珙

OMĪ – VAJRASATVA AHĪ

Tiếp kết Kiến Trí Thân

Ân Khế như tướng trước

Thấy Trí Tát Đỏa (Jñōānasatva) ấy

Nên quán ở thân mình

Câu triệu dẫn vào buộc

Khiến vui làm thành tựu

Chân Ngôn là: “ÁN – Phộc nhật la tát đát phộc niết lệ xả dã”

轉 向 忝 屹 茲 啤 京

OMĪ – VAJRASATVA DRĪ‘SYA

Tiếp kết bốn Minh Ân



Triệu dẫn vào thân mình

Ấn như Giáng Tam Thế

Co đầu tiên (ngón trỏ phải) như câu (móc câu)

Tiếp Tiến Lục (hai ngón trỏ) giao nhau

Vẫn co chụm đầu nhau

Tiếp cùng nhau móc kết

Rồi hợp cổ tay, rung

Do bốn Ấn Minh này

Triệu, Dẫn, Buộc (phộc) khiến vui (hỷ)

Chân Ngôn là: “Nhuộc, Hồng, Noan, Hốc”

切 嫗 圳 赳

JAHĪ HŪMĪ VAMĪ HOHĪ

Tiếp bày Tam Ma Gia

Nên kết Kim Cương Phộc

Dựng Nhân Nguyện (hai ngón giữa) như Kim

Thành Du Già Bản Tôn

Tụng “Tam Ma Gia, tát đất noan”

屹 互 伏 養

SAMAYA STVAMĪ

Vào khắp sau lưng rồi vành trăng

Ở trong nên quán Thế Kim Cương

Ta: Tam Muội Gia, tát đát noan (samaya stvami)

Chân Ngôn là: “ÁN – Tam ma đữu hàm – ma hạ tam ma đữu hàm”

𠄎 屹互伋曳 互扣屹互伋曳

OMĪ – SAMAYA UHAMĪ, MAHÀ SAMAYA UHAMĪ

Tiếp Thành Tụ Pháp Giới

Phụng sự các Như Lai

Thế Gian: Khí, Hữu Tình (hai loại Thế Gian)

Tĩnh diệu làm cõi Phật

Thắng Thượng Trí quán sát

Trong ngoài không sở hữu

Ba đời đồng Hư Không

Quán niệm Khiêm Tụ Môn (𠄎 \_KHAMĪ)

Tiếp phát Trí Phong Luân

Chữ Hám (曳 \_HAMĪ) tương ứng khởi

Nên quán Luân Vi Sơn

Chữ Khiêm (入 \_KAMĪ) báu nghiêm sức

Lại ở Hư Không quán

Chữ Noan (圳\_VAMĪ) Đại Bi tuôn nước sữa thành biển sữa thơm lớn

Trong biển quán chữ Bát-La (盲\_PRA)

Tự Môn thành rùa vàng

Thân đỏ thật rộng lớn

Vô lượng Dụ Nhạ Năng

Lưng quán chữ Ngột-Lị (獠\_HRĪHĪ)

Biển thành hoa sen diệu

Tám cánh có ba tầng

Màu đỏ đủ râu nhụy

Thấy đều có hào quang

Trong Đàn quán chữ Tô (鉏\_SU)

Lộ Diệu Cao Sơn Vương (Sumeru – Núi Tu Di)

Do bốn báu tạo thành

Bốn tầng với bốn ngọn

Bảy núi vàng vây quanh

Sườn núi lại có biển

Chứa nước tám Công Đức

Bạc Du Già Quán Niệm

Mỗi mỗi đều rõ ràng

“Khiêm, Hám, Kiêm, Noan, Bát la, ngọt lị dĩ, Tô”

丈 曳 入 圳 盲 獠 鉏

KHAMĪ, HAMĪ, KAMĪ, VAMĪ, PRA, HRĪHĪ, SU.

Thành Tựu Hải Chân Ngôn:

“ÁN – Vĩ ma lộ ná địa Hồng”

𨮒 合 互 同 叨 囚 嫗

OMĪ – VIMALA UDHADI HÙMĪ

Thành Tựu Sơn Chân Ngôn

“ÁN – A tả la, Hồng”

𨮒 挑 弋 匡 嫗

OMĪ – ACALA HÙMĪ

Ở đỉnh núi Diệu Cao

Quán cung Phật Pháp Giới

Do năm Trí tạo thành

Năm ngọn lâu gác báu

Tĩnh diệu khởi các Giới

Mỗi mỗi rất trang nghiêm

Liên kết Kim Cương Luân

Mật Ân của Luân Đàn

Do uy lực Ân này

Liên thành các Luân Đàn

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Quyền

Tiến Lực, (hai ngón trỏ) Đàn Tuệ (hai ngón út) móc

Ở trong hiện quán tướng

Luân Đàn như Bản Giáo

Liên ở trong gác báu

Mà quán Man Noa La

Chân Ngôn là: “ÁN – Phộc nhật la tác yết la Hồng”

轉 向 忝 弋 咒 孃

OMĪ – VAJRACAKRA – HŪMĪ

Tiếp nên tụng Khải Thỉnh

Chẳng sửa tướng Ân trước

Tướng bạch các Thánh Chúng

Xuống Man Noa La này

Khải Thỉnh Chân Ngôn là:

“ Dã tiên diễm ninh vĩ cận năng sa tác yết la tát đê tả, đá mẫu tị phộc lê, phộc nhật la câu noa lê, Hệ đồ, tỳ diễm đá tỳ diễm ma, sa đồ tát ná năng mạc”

伏 越 市 極 袋 屹 弋 咒 帆 盞 具 凹 觜 旨 向 同 向 忝 乃 沆 印 旨 加

挑 越 出 角 互 蹊 屹 叨 巧 休

\*YABHYÀMĪ NIRVIGHNA SACAKRA SIDDHISYÀ TAMUHE BALE,  
VAJRA KUNĪDĪALI HETU ABHYÀMĪTA ABHYÀMĪMASTU SADÀ  
NAMAHI.

Tiếp kết Khai Môn Ấn

Tướng mở cửa Đại Đàn

Hai vũ(2 tay) Kim Cương Quyền

Đàn Tuệ (hai ngón út) cùng móc nhau

Dụng Tiến Lực (hai ngón trỏ) hợp cạnh

Mỗi cửa tụng Chân Ngôn

Ứng Hồng (HUMĪ) mà kéo mở

Từ Đông rồi chuyển phải

Mỗi phương, mặt hướng cửa

Nếu phương sở nhỏ hẹp

Liên tướng trong quán tướng

Vận tâm như Bản Giáo

Chân ngôn là: “ÁN – phộc nhật la ná phộc lỗ, ỏn ná già tra dã, tam ma dã,  
bát la phệ xã dã, Hồng”

𑖀 𑖄 𑖆 𑖇 𑖈 𑖉 𑖊 𑖋 𑖌 𑖍 𑖎 𑖏 𑖐 𑖑 𑖒 𑖓 𑖔 𑖕 𑖖 𑖗 𑖘 𑖙 𑖚 𑖛 𑖜 𑖝 𑖞 𑖟 𑖠 𑖡 𑖢 𑖣 𑖤 𑖥 𑖦 𑖧 𑖨 𑖩 𑖪 𑖫 𑖬 𑖭 𑖮 𑖯 𑖰 𑖱 𑖲 𑖳 𑖴 𑖵 𑖶 𑖷 𑖸 𑖹 𑖺 𑖻 𑖼 𑖽 𑖾 𑖿 𑗀 𑗁 𑗂 𑗃 𑗄 𑗅 𑗆 𑗇 𑗈 𑗉 𑗊 𑗋 𑗌 𑗍 𑗎 𑗏 𑗐 𑗑 𑗒 𑗓 𑗔 𑗕 𑗖 𑗗 𑗘 𑗙 𑗚 𑗛 𑗜 𑗝 𑗞 𑗟 𑗠 𑗡 𑗢 𑗣 𑗤 𑗥 𑗦 𑗧 𑗨 𑗩 𑗪 𑗫 𑗬 𑗭 𑗮 𑗯 𑗰 𑗱 𑗲 𑗳 𑗴 𑗵 𑗶 𑗷 𑗸 𑗹 𑗺 𑗻 𑗼 𑗽 𑗾 𑗿 𑘀 𑘁 𑘂 𑘃 𑘄 𑘅 𑘆 𑘇 𑘈 𑘉 𑘊 𑘋 𑘌 𑘍 𑘎 𑘏 𑘐 𑘑 𑘒 𑘓 𑘔 𑘕 𑘖 𑘗 𑘘 𑘙 𑘚 𑘛 𑘜 𑘝 𑘞 𑘟 𑘠 𑘡 𑘢 𑘣 𑘤 𑘥 𑘦 𑘧 𑘨 𑘩 𑘪 𑘫 𑘬 𑘭 𑘮 𑘯 𑘰 𑘱 𑘲 𑘳 𑘴 𑘵 𑘶 𑘷 𑘸 𑘹 𑘺 𑘻 𑘼 𑘽 𑘾 𑘿 𑙀 𑙁 𑙂 𑙃 𑙄 𑙅 𑙆 𑙇 𑙈 𑙉 𑙊 𑙋 𑙌 𑙍 𑙎 𑙏 𑙐 𑙑 𑙒 𑙓 𑙔 𑙕 𑙖 𑙗 𑙘 𑙙 𑙚 𑙛 𑙜 𑙝 𑙞 𑙟 𑙠 𑙡 𑙢 𑙣 𑙤 𑙥 𑙦 𑙧 𑙨 𑙩 𑙪 𑙫 𑙬 𑙭 𑙮 𑙯 𑙰 𑙱 𑙲 𑙳 𑙴 𑙵 𑙶 𑙷 𑙸 𑙹 𑙺 𑙻 𑙼 𑙽 𑙾 𑙿 𑚀 𑚁 𑚂 𑚃 𑚄 𑚅 𑚆 𑚇 𑚈 𑚉 𑚊 𑚋 𑚌 𑚍 𑚎 𑚏 𑚐 𑚑 𑚒 𑚓 𑚔 𑚕 𑚖 𑚗 𑚘 𑚙 𑚚 𑚛 𑚜 𑚝 𑚞 𑚟 𑚠 𑚡 𑚢 𑚣 𑚤 𑚥 𑚦 𑚧 𑚨 𑚩 𑚪 𑚫 𑚬 𑚭 𑚮 𑚯 𑚰 𑚱 𑚲 𑚳 𑚴 𑚵 𑚶 𑚷 𑚸 𑚹 𑚺 𑚻 𑚼 𑚽 𑚾 𑚿 𑛀 𑛁 𑛂 𑛃 𑛄 𑛅 𑛆 𑛇 𑛈 𑛉 𑛊 𑛋 𑛌 𑛍 𑛎 𑛏 𑛐 𑛑 𑛒 𑛓 𑛔 𑛕 𑛖 𑛗 𑛘 𑛙 𑛚 𑛛 𑛜 𑛝 𑛞 𑛟 𑛠 𑛡 𑛢 𑛣 𑛤 𑛥 𑛦 𑛧 𑛨 𑛩 𑛪 𑛫 𑛬 𑛭 𑛮 𑛯 𑛰 𑛱 𑛲 𑛳 𑛴 𑛵 𑛶 𑛷 𑛸 𑛹 𑛺 𑛻 𑛼 𑛽 𑛾 𑛿 𑜀 𑜁 𑜂 𑜃 𑜄 𑜅 𑜆 𑜇 𑜈 𑜉 𑜊 𑜋 𑜌 𑜍 𑜎 𑜏 𑜐 𑜑 𑜒 𑜓 𑜔 𑜕 𑜖 𑜗 𑜘 𑜙 𑜚 𑜛 𑜜 𑜝 𑜞 𑜟 𑜠 𑜡 𑜢 𑜣 𑜤 𑜥 𑜦 𑜧 𑜨 𑜩 𑜪 𑜫 𑜬 𑜭 𑜮 𑜯 𑜰 𑜱 𑜲 𑜳 𑜴 𑜵 𑜶 𑜷 𑜸 𑜹 𑜺 𑜻 𑜼 𑜽 𑜾 𑜿 𑝀 𑝁 𑝂 𑝃 𑝄 𑝅 𑝆 𑝇 𑝈 𑝉 𑝊 𑝋 𑝌 𑝍 𑝎 𑝏 𑝐 𑝑 𑝒 𑝓 𑝔 𑝕 𑝖 𑝗 𑝘 𑝙 𑝚 𑝛 𑝜 𑝝 𑝞 𑝟 𑝠 𑝡 𑝢 𑝣 𑝤 𑝥 𑝦 𑝧 𑝨 𑝩 𑝪 𑝫 𑝬 𑝭 𑝮 𑝯 𑝰 𑝱 𑝲 𑝳 𑝴 𑝵 𑝶 𑝷 𑝸 𑝹 𑝺 𑝻 𑝼 𑝽 𑝾 𑝿 𑞀 𑞁 𑞂 𑞃 𑞄 𑞅 𑞆 𑞇 𑞈 𑞉 𑞊 𑞋 𑞌 𑞍 𑞎 𑞏 𑞐 𑞑 𑞒 𑞓 𑞔 𑞕 𑞖 𑞗 𑞘 𑞙 𑞚 𑞛 𑞜 𑞝 𑞞 𑞟 𑞠 𑞡 𑞢 𑞣 𑞤 𑞥 𑞦 𑞧 𑞨 𑞩 𑞪 𑞫 𑞬 𑞭 𑞮 𑞯 𑞰 𑞱 𑞲 𑞳 𑞴 𑞵 𑞶 𑞷 𑞸 𑞹 𑞺 𑞻 𑞼 𑞽 𑞾 𑞿 𑟀 𑟁 𑟂 𑟃 𑟄 𑟅 𑟆 𑟇 𑟈 𑟉 𑟊 𑟋 𑟌 𑟍 𑟎 𑟏 𑟐 𑟑 𑟒 𑟓 𑟔 𑟕 𑟖 𑟗 𑟘 𑟙 𑟚 𑟛 𑟜 𑟝 𑟞 𑟟 𑟠 𑟡 𑟢 𑟣 𑟤 𑟥 𑟦 𑟧 𑟨 𑟩 𑟪 𑟫 𑟬 𑟭 𑟮 𑟯 𑟰 𑟱 𑟲 𑟳 𑟴 𑟵 𑟶 𑟷 𑟸 𑟹 𑟺 𑟻 𑟼 𑟽 𑟾 𑟿 𑠀 𑠁 𑠂 𑠃 𑠄 𑠅 𑠆 𑠇 𑠈 𑠉 𑠊 𑠋 𑠌 𑠍 𑠎 𑠏 𑠐 𑠑 𑠒 𑠓 𑠔 𑠕 𑠖 𑠗 𑠘 𑠙 𑠚 𑠛 𑠜 𑠝 𑠞 𑠟 𑠠 𑠡 𑠢 𑠣 𑠤 𑠥 𑠦 𑠧 𑠨 𑠩 𑠪 𑠫 𑠬 𑠭 𑠮 𑠯 𑠰 𑠱 𑠲 𑠳 𑠴 𑠵 𑠶 𑠷 𑠸 𑠹 𑠺 𑠻 𑠼 𑠽 𑠾 𑠿 𑡀 𑡁 𑡂 𑡃 𑡄 𑡅 𑡆 𑡇 𑡈 𑡉 𑡊 𑡋 𑡌 𑡍 𑡎 𑡏 𑡐 𑡑 𑡒 𑡓 𑡔 𑡕 𑡖 𑡗 𑡘 𑡙 𑡚 𑡛 𑡜 𑡝 𑡞 𑡟 𑡠 𑡡 𑡢 𑡣 𑡤 𑡥 𑡦 𑡧 𑡨 𑡩 𑡪 𑡫 𑡬 𑡭 𑡮 𑡯 𑡰 𑡱 𑡲 𑡳 𑡴 𑡵 𑡶 𑡷 𑡸 𑡹 𑡺 𑡻 𑡼 𑡽 𑡾 𑡿 𑢀 𑢁 𑢂 𑢃 𑢄 𑢅 𑢆 𑢇 𑢈 𑢉 𑢊 𑢋 𑢌 𑢍 𑢎 𑢏 𑢐 𑢑 𑢒 𑢓 𑢔 𑢕 𑢖 𑢗 𑢘 𑢙 𑢚 𑢛 𑢜 𑢝 𑢞 𑢟 𑢠 𑢡 𑢢 𑢣 𑢤 𑢥 𑢦 𑢧 𑢨 𑢩 𑢪 𑢫 𑢬 𑢭 𑢮 𑢯 𑢰 𑢱 𑢲 𑢳 𑢴 𑢵 𑢶 𑢷 𑢸 𑢹 𑢺 𑢻 𑢼 𑢽 𑢾 𑢿 𑣀 𑣁 𑣂 𑣃 𑣄 𑣅 𑣆 𑣇 𑣈 𑣉 𑣊 𑣋 𑣌 𑣍 𑣎 𑣏 𑣐 𑣑 𑣒 𑣓 𑣔 𑣕 𑣖 𑣗 𑣘 𑣙 𑣚 𑣛 𑣜 𑣝 𑣞 𑣟 𑣠 𑣡 𑣢 𑣣 𑣤 𑣥 𑣦 𑣧 𑣨 𑣩 𑣪 𑣫 𑣬 𑣭 𑣮 𑣯 𑣰 𑣱 𑣲 𑣳 𑣴 𑣵 𑣶 𑣷 𑣸 𑣹 𑣺 𑣻 𑣼 𑣽 𑣾 𑣿 𑤀 𑤁 𑤂 𑤃 𑤄 𑤅 𑤆 𑤇 𑤈 𑤉 𑤊 𑤋 𑤌 𑤍 𑤎 𑤏 𑤐 𑤑 𑤒 𑤓 𑤔 𑤕 𑤖 𑤗 𑤘 𑤙 𑤚 𑤛 𑤜 𑤝 𑤞 𑤟 𑤠 𑤡 𑤢 𑤣 𑤤 𑤥 𑤦 𑤧 𑤨 𑤩 𑤪 𑤫 𑤬 𑤭 𑤮 𑤯 𑤰 𑤱 𑤲 𑤳 𑤴 𑤵 𑤶 𑤷 𑤸 𑤹 𑤺 𑤻 𑤼 𑤽 𑤾 𑤿 𑥀 𑥁 𑥂 𑥃 𑥄 𑥅 𑥆 𑥇 𑥈 𑥉 𑥊 𑥋 𑥌 𑥍 𑥎 𑥏 𑥐 𑥑 𑥒 𑥓 𑥔 𑥕 𑥖 𑥗 𑥘 𑥙 𑥚 𑥛 𑥜 𑥝 𑥞 𑥟 𑥠 𑥡 𑥢 𑥣 𑥤 𑥥 𑥦 𑥧 𑥨 𑥩 𑥪 𑥫 𑥬 𑥭 𑥮 𑥯 𑥰 𑥱 𑥲 𑥳 𑥴 𑥵 𑥶 𑥷 𑥸 𑥹 𑥺 𑥻 𑥼 𑥽 𑥾 𑥿 𑦀 𑦁 𑦂 𑦃 𑦄 𑦅 𑦆 𑦇 𑦈 𑦉 𑦊 𑦋 𑦌 𑦍 𑦎 𑦏 𑦐 𑦑 𑦒 𑦓 𑦔 𑦕 𑦖 𑦗 𑦘 𑦙 𑦚 𑦛 𑦜 𑦝 𑦞 𑦟 𑦠 𑦡 𑦢 𑦣 𑦤 𑦥 𑦦 𑦧 𑦨 𑦩 𑦪 𑦫 𑦬 𑦭 𑦮 𑦯 𑦰 𑦱 𑦲 𑦳 𑦴 𑦵 𑦶 𑦷 𑦸 𑦹 𑦺 𑦻 𑦼 𑦽 𑦾 𑦿 𑧀 𑧁 𑧂 𑧃 𑧄 𑧅 𑧆 𑧇 𑧈 𑧉 𑧊 𑧋 𑧌 𑧍 𑧎 𑧏 𑧐 𑧑 𑧒 𑧓 𑧔 𑧕 𑧖 𑧗 𑧘 𑧙 𑧚 𑧛 𑧜 𑧝 𑧞 𑧟 𑧠 𑧡 𑧢 𑧣 𑧤 𑧥 𑧦 𑧧 𑧨 𑧩 𑧪 𑧫 𑧬 𑧭 𑧮 𑧯 𑧰 𑧱 𑧲 𑧳 𑧴 𑧵 𑧶 𑧷 𑧸 𑧹 𑧺 𑧻 𑧼 𑧽 𑧾 𑧿 𑨀 𑨁 𑨂 𑨃 𑨄 𑨅 𑨆 𑨇 𑨈 𑨉 𑨊 𑨋 𑨌 𑨍 𑨎 𑨏 𑨐 𑨑 𑨒 𑨓 𑨔 𑨕 𑨖 𑨗 𑨘 𑨙 𑨚 𑨛 𑨜 𑨝 𑨞 𑨟 𑨠 𑨡 𑨢 𑨣 𑨤 𑨥 𑨦 𑨧 𑨨 𑨩 𑨪 𑨫 𑨬 𑨭 𑨮 𑨯 𑨰 𑨱 𑨲 𑨳 𑨴 𑨵 𑨶 𑨷 𑨸 𑨹 𑨺 𑨻 𑨼 𑨽 𑨾 𑨿 𑩀 𑩁 𑩂 𑩃 𑩄 𑩅 𑩆 𑩇 𑩈 𑩉 𑩊 𑩋 𑩌 𑩍 𑩎 𑩏 𑩐 𑩑 𑩒 𑩓 𑩔 𑩕 𑩖 𑩗 𑩘 𑩙 𑩚 𑩛 𑩜 𑩝 𑩞 𑩟 𑩠 𑩡 𑩢 𑩣 𑩤 𑩥 𑩦 𑩧 𑩨 𑩩 𑩪 𑩫 𑩬 𑩭 𑩮 𑩯 𑩰 𑩱 𑩲 𑩳 𑩴 𑩵 𑩶 𑩷 𑩸 𑩹 𑩺 𑩻 𑩼 𑩽 𑩾 𑩿 𑪀 𑪁 𑪂 𑪃 𑪄 𑪅 𑪆 𑪇 𑪈 𑪉 𑪊 𑪋 𑪌 𑪍 𑪎 𑪏 𑪐 𑪑 𑪒 𑪓 𑪔 𑪕 𑪖 𑪗 𑪘 𑪙 𑪚 𑪛 𑪜 𑪝 𑪞 𑪟 𑪠 𑪡 𑪢 𑪣 𑪤 𑪥 𑪦 𑪧 𑪨 𑪩 𑪪 𑪫 𑪬 𑪭 𑪮 𑪯 𑪰 𑪱 𑪲 𑪳 𑪴 𑪵 𑪶 𑪷 𑪸 𑪹 𑪺 𑪻 𑪼 𑪽 𑪾 𑪿 𑫀 𑫁 𑫂 𑫃 𑫄 𑫅 𑫆 𑫇 𑫈 𑫉 𑫊 𑫋 𑫌 𑫍 𑫎 𑫏 𑫐 𑫑 𑫒 𑫓 𑫔 𑫕 𑫖 𑫗 𑫘 𑫙 𑫚 𑫛 𑫜 𑫝 𑫞 𑫟 𑫠 𑫡 𑫢 𑫣 𑫤 𑫥 𑫦 𑫧 𑫨 𑫩 𑫪 𑫫 𑫬 𑫭 𑫮 𑫯 𑫰 𑫱 𑫲 𑫳 𑫴 𑫵 𑫶 𑫷 𑫸 𑫹 𑫺 𑫻 𑫼 𑫽 𑫾 𑫿 𑬀 𑬁 𑬂 𑬃 𑬄 𑬅 𑬆 𑬇 𑬈 𑬉 𑬊 𑬋 𑬌 𑬍 𑬎 𑬏 𑬐 𑬑 𑬒 𑬓 𑬔 𑬕 𑬖 𑬗 𑬘 𑬙 𑬚 𑬛 𑬜 𑬝 𑬞 𑬟 𑬠 𑬡 𑬢 𑬣 𑬤 𑬥 𑬦 𑬧 𑬨 𑬩 𑬪 𑬫 𑬬 𑬭 𑬮 𑬯 𑬰 𑬱 𑬲 𑬳 𑬴 𑬵 𑬶 𑬷 𑬸 𑬹 𑬺 𑬻 𑬼 𑬽 𑬾 𑬿 𑭀 𑭁 𑭂 𑭃 𑭄 𑭅 𑭆 𑭇 𑭈 𑭉 𑭊 𑭋 𑭌 𑭍 𑭎 𑭏 𑭐 𑭑 𑭒 𑭓 𑭔 𑭕 𑭖 𑭗 𑭘 𑭙 𑭚 𑭛 𑭜 𑭝 𑭞 𑭟 𑭠 𑭡 𑭢 𑭣 𑭤 𑭥 𑭦 𑭧 𑭨 𑭩 𑭪 𑭫 𑭬 𑭭 𑭮 𑭯 𑭰 𑭱 𑭲 𑭳 𑭴 𑭵 𑭶 𑭷 𑭸 𑭹 𑭺 𑭻 𑭼 𑭽 𑭾 𑭿 𑮀 𑮁 𑮂 𑮃 𑮄 𑮅 𑮆 𑮇 𑮈 𑮉 𑮊 𑮋 𑮌 𑮍 𑮎 𑮏 𑮐 𑮑 𑮒 𑮓 𑮔 𑮕 𑮖 𑮗 𑮘 𑮙 𑮚 𑮛 𑮜 𑮝 𑮞 𑮟 𑮠 𑮡 𑮢 𑮣 𑮤 𑮥 𑮦 𑮧 𑮨 𑮩 𑮪 𑮫 𑮬 𑮭 𑮮 𑮯 𑮰 𑮱 𑮲 𑮳 𑮴 𑮵 𑮶 𑮷 𑮸 𑮹 𑮺 𑮻 𑮼 𑮽 𑮾 𑮿 𑯀 𑯁 𑯂 𑯃 𑯄 𑯅 𑯆 𑯇 𑯈 𑯉 𑯊 𑯋 𑯌 𑯍 𑯎 𑯏 𑯐 𑯑 𑯒 𑯓 𑯔 𑯕 𑯖 𑯗 𑯘 𑯙 𑯚 𑯛 𑯜 𑯝 𑯞 𑯟 𑯠 𑯡 𑯢 𑯣 𑯤 𑯥 𑯦 𑯧 𑯨 𑯩 𑯪 𑯫 𑯬 𑯭 𑯮 𑯯 𑯰 𑯱 𑯲 𑯳 𑯴 𑯵 𑯶 𑯷 𑯸 𑯹 𑯺 𑯻 𑯼 𑯽 𑯾 𑯿 𑰀 𑰁 𑰂 𑰃 𑰄 𑰅 𑰆 𑰇 𑰈 𑰉 𑰊 𑰋 𑰌 𑰍 𑰎 𑰏 𑰐 𑰑 𑰒 𑰓 𑰔 𑰕 𑰖 𑰗 𑰘 𑰙 𑰚 𑰛 𑰜 𑰝 𑰞 𑰟 𑰠 𑰡 𑰢 𑰣 𑰤 𑰥 𑰦 𑰧 𑰨 𑰩 𑰪 𑰫 𑰬 𑰭 𑰮 𑰯 𑰰 𑰱 𑰲 𑰳 𑰴 𑰵 𑰶 𑰷 𑰸 𑰹 𑰺 𑰻 𑰼 𑰽 𑰾 𑰿 𑱀 𑱁 𑱂 𑱃 𑱄 𑱅 𑱆 𑱇 𑱈 𑱉 𑱊 𑱋 𑱌 𑱍 𑱎 𑱏 𑱐 𑱑 𑱒 𑱓 𑱔 𑱕 𑱖 𑱗 𑱘 𑱙 𑱚 𑱛 𑱜 𑱝 𑱞 𑱟 𑱠 𑱡 𑱢 𑱣 𑱤 𑱥 𑱦 𑱧 𑱨 𑱩 𑱪 𑱫 𑱬 𑱭 𑱮 𑱯 𑱰 𑱱 𑱲 𑱳 𑱴 𑱵 𑱶 𑱷 𑱸 𑱹 𑱺 𑱻 𑱼 𑱽 𑱾 𑱿 𑲀 𑲁 𑲂 𑲃 𑲄 𑲅 𑲆 𑲇 𑲈 𑲉 𑲊 𑲋 𑲌 𑲍 𑲎 𑲏 𑲐 𑲑 𑲒 𑲓 𑲔 𑲕 𑲖 𑲗 𑲘 𑲙 𑲚 𑲛 𑲜 𑲝 𑲞 𑲟 𑲠 𑲡 𑲢 𑲣 𑲤 𑲥 𑲦 𑲧 𑲨 𑲩 𑲪 𑲫 𑲬 𑲭 𑲮 𑲯 𑲰 𑲱 𑲲 𑲳 𑲴 𑲵 𑲶 𑲷 𑲸 𑲹 𑲺 𑲻 𑲼 𑲽 𑲾 𑲿 𑳀 𑳁 𑳂 𑳃 𑳄 𑳅 𑳆 𑳇 𑳈 𑳉 𑳊 𑳋 𑳌 𑳍 𑳎 𑳏 𑳐 𑳑 𑳒 𑳓 𑳔 𑳕 𑳖 𑳗 𑳘 𑳙 𑳚 𑳛 𑳜 𑳝 𑳞 𑳟 𑳠 𑳡 𑳢 𑳣 𑳤 𑳥 𑳦 𑳧 𑳨 𑳩 𑳪 𑳫 𑳬 𑳭 𑳮 𑳯 𑳰 𑳱 𑳲 𑳳 𑳴 𑳵 𑳶 𑳷 𑳸 𑳹 𑳺 𑳻 𑳼 𑳽 𑳾 𑳿 𑴀 𑴁 𑴂 𑴃 𑴄 𑴅 𑴆 𑴇 𑴈 𑴉 𑴊 𑴋 𑴌 𑴍 𑴎 𑴏 𑴐 𑴑 𑴒 𑴓 𑴔 𑴕 𑴖 𑴗 𑴘 𑴙 𑴚 𑴛 𑴜 𑴝 𑴞 𑴟 𑴠 𑴡 𑴢 𑴣 𑴤 𑴥 𑴦 𑴧 𑴨 𑴩 𑴪 𑴫 𑴬 𑴭 𑴮 𑴯 𑴰 𑴱 𑴲 𑴳 𑴴 𑴵 𑴶 𑴷 𑴸 𑴹 𑴺 𑴻 𑴼 𑴽 𑴾 𑴿 𑵀 𑵁 𑵂 𑵃 𑵄 𑵅 𑵆 𑵇 𑵈 𑵉 𑵊 𑵋 𑵌 𑵍 𑵎 𑵏 𑵐 𑵑 𑵒 𑵓 𑵔 𑵕 𑵖 𑵗 𑵘 𑵙 𑵚 𑵛 𑵜 𑵝 𑵞 𑵟 𑵠 𑵡 𑵢 𑵣 𑵤 𑵥 𑵦 𑵧 𑵨 𑵩 𑵪 𑵫 𑵬 𑵭 𑵮 𑵯 𑵰 𑵱 𑵲 𑵳 𑵴 𑵵 𑵶 𑵷 𑵸 𑵹 𑵺 𑵻 𑵼 𑵽 𑵾 𑵿 𑶀 𑶁 𑶂 𑶃 𑶄 𑶅 𑶆 𑶇 𑶈 𑶉 𑶊 𑶋 𑶌 𑶍 𑶎 𑶏 𑶐 𑶑 𑶒 𑶓 𑶔 𑶕 𑶖 𑶗 𑶘 𑶙 𑶚 𑶛 𑶜 𑶝 𑶞 𑶟 𑶠 𑶡 𑶢 𑶣 𑶤 𑶥 𑶦 𑶧 𑶨 𑶩 𑶪 𑶫 𑶬 𑶭 𑶮 𑶯 𑶰 𑶱 𑶲 𑶳 𑶴 𑶵 𑶶 𑶷 𑶸 𑶹 𑶺 𑶻 𑶼 𑶽 𑶾 𑶿 𑷀 𑷁 𑷂 𑷃 𑷄 𑷅 𑷆 𑷇 𑷈 𑷉 𑷊 𑷋 𑷌 𑷍 𑷎 𑷏 𑷐 𑷑 𑷒 𑷓 𑷔 𑷕 𑷖 𑷗 𑷘 𑷙 𑷚 𑷛 𑷜 𑷝 𑷞 𑷟 𑷠 𑷡 𑷢 𑷣 𑷤 𑷥 𑷦 𑷧 𑷨 𑷩 𑷪 𑷫 𑷬 𑷭 𑷮 𑷯 𑷰 𑷱 𑷲 𑷳 𑷴 𑷵 𑷶 𑷷 𑷸 𑷹 𑷺 𑷻 𑷼 𑷽 𑷾 𑷿 𑸀 𑸁 𑸂 𑸃 𑸄 𑸅 𑸆 𑸇 𑸈 𑸉 𑸊 𑸋 𑸌 𑸍 𑸎 𑸏 𑸐 𑸑 𑸒 𑸓 𑸔 𑸕 𑸖 𑸗 𑸘 𑸙 𑸚 𑸛 𑸜 𑸝 𑸞 𑸟 𑸠 𑸡 𑸢 𑸣 𑸤 𑸥 𑸦 𑸧 𑸨 𑸩 𑸪 𑸫 𑸬 𑸭 𑸮 𑸯 𑸰 𑸱 𑸲 𑸳 𑸴 𑸵 𑸶 𑸷 𑸸 𑸹 𑸺 𑸻 𑸼 𑸽 𑸾 𑸿 𑹀 𑹁 𑹂 𑹃 𑹄 𑹅 𑹆 𑹇 𑹈 𑹉 𑹊 𑹋 𑹌 𑹍 𑹎 𑹏 𑹐 𑹑 𑹒 𑹓 𑹔 𑹕 𑹖 𑹗 𑹘 𑹙 𑹚 𑹛 𑹜 𑹝 𑹞 𑹟 𑹠 𑹡 𑹢 𑹣 𑹤 𑹥 𑹦 𑹧 𑹨 𑹩 𑹪 𑹫 𑹬 𑹭 𑹮 𑹯 𑹰 𑹱 𑹲 𑹳 𑹴 𑹵 𑹶 𑹷 𑹸 𑹹 𑹺 𑹻 𑹼 𑹽 𑹾 𑹿 𑺀 𑺁 𑺂 𑺃 𑺄 𑺅 𑺆 𑺇 𑺈 𑺉 𑺊 𑺋 𑺌 𑺍 𑺎 𑺏 𑺐 𑺑 𑺒 𑺓 𑺔 𑺕 𑺖 𑺗 𑺘 𑺙 𑺚 𑺛 𑺜 𑺝 𑺞 𑺟 𑺠 𑺡 𑺢 𑺣 𑺤 𑺥 𑺦 𑺧

Khải bạch các Thế Tôn

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Nhấn Nguyện (hai ngón giữa) nên dựng hợp

Co Tiến Lực (hai ngón trỏ) như móc

Giữa, sau mà chẳng dính

Xung tên rồi Khải Thỉnh

Ba lần xướng Già Đà

“A diễn đỗ, tát phệ bộ phộc, nãi ca sa lạc, bắt la noa nhĩ đá thê sa ca, thủ la ma lạc tát khát xoa sa ngật lị đát nẳng đá bà phộc, sa phộc bà phộc sa phộc diễn bộ mao nẳng đá bà phộc, sa phộc bà phộc”

挑跬加 屹楠 矛向包一州匈 盲撻亦賚 在好一卡先 交跔 州朽 邗出巧阢  
矛向 辱矢向 送兕禾名巧阢 矛向 辱矛踰

\*AYAMTU SARVA BHAVATEKASÀRAHĪ, PRANĪÀMITÀHĪ  
‘SESĪAKATHORA MÀRÀHĪ SAKSĪA KRĪTA, ANANTA BHAVA  
SVABHÀVA SVÀYAMĪBHUVA, ANANTA BHAVA SVABHÀVAHĪ.

Tiếp quán Phật Hải Hội

Chư Thánh vân tập khắp

Giao cánh tay, búng tay

Tiếng vang tràn Pháp Giới

Chân Ngôn là: “ÁN – Phộc nhật la tam ma nhạ, nhược”

𨮒 向忝 屹互介 切

\*OMĪ – VAJRA SAMAJA\_ JAHĪ (Samaja: vân tập)

Các Như Lai tập hội

Đều ở tại Hư Không

Tụng Bách Bát Danh Tán (bài tán 108 tên)

Lễ Man Noa La Chúng

Tán Thán Chân Ngôn là:

1. Phộc nhật la tát đất phộc, ma hạ tát đất phộc, phộc nhật la, tát phộc đất tha nga đá, tam ma dã bà nại la phộc nhật la nễ dã, phộc nhật la bá ni, năng mô sa đồ đế.

向忝屹兹 互扣屹兹 向忝 屹楠凹卡丫凹 屹互阢矛治 向忝滄 向忝扒仕  
巧伏蹊包

\*VAJRASATVA MAHÀSATVA VAJRA, SARVA TATHÀGATA,  
SAMANTABHADRA, VAJRADYA, VAJRAPÀNĪ- NAMO STUTE.

2. Phộc nhật la la nhạ, tổ một đà nga lị dã, phộc nhật la câu xã-tát tha nga đá,  
A mô khư la nhạ, phộc nhật la nễ dã, phộc nhật la ca la sa – na mô sa đồ đế.

向忝全介 鉏后盍毗 向轉乃在 凹卡丫凹 挑伏千全介 向忝滄 向忝 挑一溶  
巧伏蹊包

\*VAJRARÀJA SUBUDDHA AGRYA- VAJRA AMĪKU‘SA,  
TATHÀGATA, AMOGHARÀJA, VAJRADYA, VAJRA AKARSĪA,  
NAMO STUTE.

3. Phộc nhật la la nga, ma hạ táo xí dã – phộc nhật la phộc la noa, thương ca  
la ma, ma hạ phộc nhật la tả bá - Năng mô sa đồ đế.

向忝全丫 互扣忖米 向忝向隊 奸一先 交先 乙互 互扣 向忝弓扔  
巧伏蹊包



\*VAJRARÀGA, MAHÀ SAUKHYA – VAJRA VARNĪA ‘SAMĪKARA,  
MÀRA KÀMA – MAHÀ VAJRACÀPA – NAMO STUTE.

4. Phộc nhật la sa độ, tổ phộc nhật la nga lị dã – phộc nhật la đồ sắt tai, ma  
hạ la đế, bát la mô hạ la sa – Năng mô sa đồ đế.

向忝州鉞 鉞向忠趾 向忝 加炁 互扣 先包 盲伏滄全介 向忝滄 向忝扣好  
巧伏躑包

\*VAJRASÀDHU, SUVAJRA AGRYA – MAHÀ TUSĪTĪAI, MAHÀ  
RATE, PRAMODYARÀJA, VAJRADYA, VAJRA HÀSĪA- NAMO  
STUTE.

5. Phộc nhật la la đát năng, tổ phộc nhật la la tha, phộc nhật la ca xả, ma hạ  
ma ni, ÁN ca xả nga bà, phộc nhật la trà dã, phộc nhật la nga bà – Năng mô  
sa đồ đế.

向忝先寒 鉞向忠飲 向忝 玅一在 互扣互仗 玅一在 丫想 向忝鉞 向忝 丫想  
巧伏躑包

\*VAJRARATNA, SUVAJRA ARTHA, VAJRA ÀKA‘SA, MAHÀ MANĪI,  
ÀKA‘SA GARBHA, VAJRAHYA, VAJRA GARBHA, NAMO STUTE.

6. Phộc nhật la đế nhạ, ma hạ nhập phộc la, phộc nhật la tổ lị dã, nhĩ năng bát  
la bà, phộc nhật la la thấp nhĩ, ma hạ đế nhạ, phộc nhật la bát la bà năng mô  
sa đồ đế.

向忝包介 互扣詞匡 向忝僨搏 元巧盲矛 向忝先眸 互扣包介 向忝盲矛  
巧伏躑包

\*VAJRATEJA, MAHÀ JVALA, VAJRA SÙRYA, JINAPRABHA,  
VAJRARA‘SMI, MAHÀ TEJA, VAJRAPRABHA NAMO STUTE.

7. Phộc nhật la kê đồ, tổ tát đát phộc la tha, phộc nhật la đặc phộc nhạ, tổ đồ  
sái ca, la đát năng kê đồ, ma hạ phộc nhật la, phộc nhật la duệ sắt tai năng  
mô sa đồ đế.

向忝了加 鉏屹班飲 向忝墉介 鉏北好一 先寒了加 互扣向忝 向忠仰炅  
巧伏蹊包

\*VAJRAKETU, SUSATVA ARTHA, VAJRADHVAJA SUTOSĪAKA,  
RATNAKETU, MAHÀ VAJRA, VAJRA AYUSĪTĪAI- NAMO STUTE.

8. Phộc nhật la hạ sa, ma hạ hạ sa, phộc nhật la tát nhĩ đá, ma hạ nột bộ đá  
tát lị để – Bát la mô nễ dã la nhạ, phộc nhật la nễ dã, phộc nhật la tát lị để –  
Nặng mô sa đở để.

向忝扣屹 互扣扣屹 向忝統凹 互扣踳凹 矽凸 盲伏滄全介 向忝滄  
向忝矽包 巧伏蹊包

\*VAJRAHÀSA, MAHÀ HÀSA, VAJRASMITA, MAHÀ DBHUTA, PRÌTI  
PRAMODYARÀJA, VAJRADYA VAJRAPRÌTE – NAMO STUTE.

9. Phộc nhật la Đạt la ma, tổ tát đất phộc la tha phộc nhật la bát nại ma, tổ  
thú đất ca, lộ kế thấp phộc la, tổ phộc nhật la khát xoa, phộc nhật la ninh đất  
la- nặng mô sa đở để.

向忝叻獲 鉏屹班飲 向忝扔痧 鉏在益一 吐了鄔先 鉏向忠朽 向忝弁泥  
巧伏蹊包

\*VAJRADHARMA, SUSATVA ARTHA, VAJRAPADMA  
SU‘SUDDHAKA, LOKE‘SVARA, SUVAJRÀKSĪA, VAJRANETRE  
NAMO STUTE.

10. Phộc nhật la để khát xoa noa, ma hạ dã nặng, phộc nhật la cú xả, ma ha  
dữ dã, mạn tổ thất lị phộc nhật la nghiêm tị lị dã, phộc nhật la một đệ nặng  
mô sa đở để.

向忝刊踳 互扣仲巧 向忝乃在 互扣仰叻 伐內漑 向忝刃示搏 向忝后眨  
巧伏蹊包

\*VAJRATĪKSĪNĪA, MAHÀ YÀNA, VAJRA KU‘SA, MAHÀ YUDHA, MAMĪJU‘SRÌ, VAJRA GAMĪBHĪRYA, VAJRA BUDDHE NAMO STUTE.

11. Phộc nhật la hệ đồ, ma hạ mạn noa, phộc nhật la tả yết la, ma hạ năng dã, tổ bát la vạt đất năng, phộc nhật lễ đất tha, phộc nhật la mạn noa, năng mô sa đồ đế.

向忝旨加 互扣互沏匡 向忝弋咒 互扣左伏 鉏盲向痛巧 向怵凹卡  
向忝互沏匡 巧伏蹊包

\*VAJRAHETU, MAHÀ MANĪDĪALA, VAJRACAKRA, MAHÀ NÀYA, SUPRAVARTTANA, VAJROTATHÀ, VAJRA MANĪDĪALA. NAMO STUTE.

12. Phộc nhật la bà sái, tổ vĩ nề dã nga lị dã, phộc nhật la nhạ bá, tổ tát đế na, a phộc giả, phộc nhật la vĩ nề dã nga lị dã, phộc nhật la bà sái – Năng mô sa đồ đế.

向忝矢好 鉏合攻趾 向忝介扔 鉏帆盎叨 挑名弋 向忝合攻趾 向忝矢好  
巧伏蹊包

\*VAJRA BHÀSĪA, SUVIDYA AGRYA, VAJRA JAPA, SUSIDDHIDA AVÀCA, VAJRA VIDYA AGRYA, VAJRA BHÀSĪA NAMO STUTE.

13. Phộc nhật la yết ma, tổ phộc nhật la nhạ noa yết ma phộc nhật la, tát phộc nga la, phộc nhật la mô khur, ma hô na lị dã, phộc nhật la vĩ thấp phộc na mô sa đồ đế.

向忝一獲 鉏向忝跣 一獲向忝 鉏屹楞奇 向忝伏千 互旭叨搏 向忝合夥  
巧伏蹊包

\*VAJRAKARMA, SUVAJRA JNŌA, KARMAVAJRA, SUSARVÀGRA, VAJRA AMOGHA, MAHÀ UDARYA VAJRA VI ‘SVA NAMO STUTE.

14. Phộc nhật la la khát xoa, ma hạ phệ li dã, phộc nhật la phộc ma, ma hạ niết li trà, nột dục đà năng, tổ vĩ li dã nga li dã, phộc nhật la vĩ li dã – Năng mô sa đồ đế.

向忝先朽 互扣因暗 向忝向獲 互扣味丙 揅搗叻巧 鉏吃湫趾 向忝吃搏  
巧伏蹠包

\*VAJRA RAKSĪA, MAHÀ VAIRYAHĪ, VAJRAVARMA, MAHÀ DRĪDĪHA, DUYODHANA, SUVĪRYA AGRYA, VAJRA VĪRYA NAMO STUTE.

15. Phộc nhật la dục khát xoa, ma hộ bá dã, phộc nhật la năng sắt tra la, ma hạ bà dã, ma la bát-la ma lật nề, phộc nhật lỗ nga li dã, phộc nhật la tán noa – Na mô sa đồ đế.

向忝伏朽 互旭扒伏 向忝句孺 互扣矛伏 交先盲互催 向怔奇 向忝弋汜  
巧伏蹠包

\* VAJRA YAKSĪA, MAHÀ UPĀYA, VAJRADAMĪSĪTRĪA MAHÀ BHAYA, MÀRA PRAMARDI, VAJRA UGRA, VAJRA CANĪDĪA NAMO STUTE.

16. Phộc nhật la tán đệ, tổ tát ninh địa dã, phộc nhật la mẫn đà, bát la mô tả ca, phộc nhật la mẫu sắt tra dã, nga la gia, tát ma diễm, phộc nhật la mẫu sắt tai – năng mô sa đồ đế.

向忝戍囚 鉏屹弁杞 向忝向神 盲伏弋一 向忝觜沔仲趾 屹互兕 向忝觜炅  
巧伏蹠包

\*VAJRA SAMĪDHI, SUSANEDHYA, VAJRA BANDHA, PRAMOCAKA, VAJRA MUSĪTĪAYA AGRYA SAMAYAMĪ, VAJRA MUSĪTĪAI NAMO STUTE.

Tiếp kết bốn Minh Ân

Ân như Giáng Tam Thế

CÂU: co Tiến độ (ngón trỏ phải) triệu

SÁCH: Tiến lục (hai ngón trỏ) như vòng

TOẢ: mở cổ tay, móc

LINH: hợp cổ tay, rung

Đều tụng Bản Chân Ngôn

Chân Ngôn là:

1. Phộc nhật la củ xả, nhược

向轉乃在切

\*VAJRA AMĪKU‘SA JAHĪ

2. Phộc nhật la bá xả, Hồng

向忝扒在猓

\*VAJRA PÀ‘SA HŪMĪ

3. Phộc nhật la sa phở tra, Noan

向忝罷巴圳

\*VAJRA SPHOTĪA VAMĪ

4. Phộc nhật la phê xả, A

向忠甩在趙

\*VAJRA AVI‘SA AHĪ

(Bản khác ghi là: 向忝吒在趙: Vajra ve’sa Hohi)

Tiếp là Kim Cương phách

Khiến Thánh Chúng vui vẻ

Chân Ngôn là: “ÁN – Phộc nhật la đá la đố sử dã Học”

𨮒 向忝出先加併 𨮒

OMĪ – VAJRA TÀRA TUSĪYA HOHĪ

Tiếp vào Bình Đăng Trí

Dâng nước thơm Ứ Già

Tưởng tắm thân các Thánh

Sẽ được Địa Quán Đảnh

Chân Ngôn là: “ÁN – phộc nhật la ná ca thá, Hông”

𨮒 向怔叻一比 𨮒

\*OMĪ – VAJRA UDAKATĪHAHĪ HÙMĪ

Tiếp kết Chân Linh Ấn

Phải: chuông, trái: rung chuông

Tâm vào tiếng giải thoát

Quán chiếu Lý Bát Nhã

Chân Ngôn là: “ ÁN – Phộc nhật la bá ni, Hông”

𨮒 向忝扒仗 𨮒

\*OMĪ – VAJRA PÀNĪI HÙMĪ

ÁN – Phộc nhật la kiên tra đồ sắt dã Hộc

轉 向 忝 子 巴 加 併 趙

\*OMĪ – VAJRA GHAMĪTĪA TUSĪYA HOHĪ

## QUYỀN THƯỢNG

(Hết)

---o0o---

Mật Tạng Bộ 1 \_ No.874 (Tr.317 – Tr.322)

**KIM CƯƠNG ĐỈNH NHẬT THIẾT NHƯ LAI**

**CHÂN THẬT NHIỆP ĐẠI THỪA HIỆN CHỨNG ĐẠI GIÁO VƯƠNG  
KINH**

## QUYỀN HẠ

**Hán dịch: Đồi Đường\_ Đặc Tiến Thích Hồng Lô Khanh \_ Tam Tạng Sa  
Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch**

**Việt Dịch: HUYỀN THANH**

**KIM CƯƠNG GIỚI ĐẠI MAN NOA LA**

**TỶ LÔ GIÁ NA NHẤT THIẾT NHƯ LAI TRỤ BÍ MẬT TÂM ĐỊA ÁN  
CHÂN NGÔN YẾT MA BỘ (Thứ Hai)**

Cúi lạy Bạc Già Phạm

Đại Tỷ Lô Giá Na

Hay vì TỰ Tại Vương

Diễn nói Kim Cương Giới

Yết Ma, các Nghi Tắc

Ấn Khế và Chân Ngôn

Cúng dường các Như Lai

Tiếp kết Yết Ma Ấn

Ở tim rồi tu tập

Đề quán vành trăng tim

Rồi các chày Yết Ma

Nên kết Kim Cương Quyền

Đẳng Dẫn rồi chia hai

Hữu vũ (tay phải) Kim Cương Quyền

Dùng năm đầu ngón Lục (ngón trỏ trái)

Quyền trái đặt ở eo

Rũ tay phải chạm đất

Quyền trái, tương như trước

Hữu vũ, (tay phải) tác Thí Nguyện

Hai tay giữa cài nhau

Thẳng Tiến Lục (hai ngón trỏ) chung lưng

Thiền Trí (hai ngón cái) ngang đầu ngón

Quyền trái lại ở eo



Hữu vũ, (tay phải) Thí Vô Úy

Là năm Như Lai Khế

Mỗi mỗi Chân Ngôn là:

1) Aùn\_ Phộc Nhật La Đà Đồ, Noan

OMĪ \_ VAJRADHÀTU VAMĪ

2) Aùn\_ A khuất-sô tý-dã, Hồng

OMĪ \_ AKSĪOBHYA HÙMĪ

3) Aùn\_ La đát-nặng tam bà phộc, Đát-lạc

OMĪ \_ RATNASAMĪBHAVA TRÀHĪ

4) Aùn\_ Lô kế thấp-phộc la la nhạ, Ngật-li-dĩ

OMĪ \_ LOKE'SVARA RÀJA HRĪHĪ

5) Aùn\_ A mô khur tất đê, Aùc

OMĪ \_ AMOGHASIDDHI ÀHĪ

Tiếp nên kết Yết Ma

Bốn Ba La Mật khế

Đều như Bản Phật Ấn

Rồi tụng niệm Chân Ngôn

Các Chân Ngôn ấy là:

1. ÁN – Tát đát phộc phộc nhật li, Hồng

· OMĪ – Satva Vajri – HùmĪ

2. ÁN – La đất nãng phộc nhật li, đất lạc

· OMĪ – Ratna Vajri – Trãhĩ

3. ÁN – Đạt la ma phộc nhật li, ngọt li dĩ

· OMĪ – Dharma Vajri – Hrihĩ

4. ÁN – Yết la ma phộc nhật li, Ác

· OMĪ – Karma Vajri – Àhĩ

Tiếp kết mười sáu Tôn

Nghi của Yết Ma Khế

Quyền phải đặt cạnh eo

Hữu vũ, (tay phải) rút chày ném

Giao hai quyền ôm ngực

Co tiến lực (hai ngón trỏ) móc triệu

Hai quyền như Xạ Pháp (cách bắn tên)

Đặt ngang tim búng tay

Tiến lực (hai ngón trỏ) như bình báu

Ở tim chuyển Nhật Luân (mặt trời)

Chỏ phải trụ quyền trái

Hai miệng quyền giữa bụng

Trái: sen, phải, mở bóc

Tay trái tưởng cầm hoa

Tay phải tưởng cầm kiếm

Úp quyền dưng Tiến Lực (hai ngón trỏ)

Ở rón rồi chuyển ngang

Đưa tới miệng, ngửa bung

Trước duỗi từ Thiên Trí (hai ngón cái)

Xoay múa tim, hai má (hai gò má)

Kim Cương Chương ở Đỉnh

Hai Quyền khoác giáp trụ

Tiến Lực (hai ngón trỏ)Đàn tuệ (hai ngón út) Nanh

Hai quyền cùng hợp nhau

Mười sáu Đại Sĩ Ấn

Nội, Ngoại: Tám Cúng Dường

Kèm với Bốn Đại Hộ

Ấn Tướng, nay sẽ nói

Hai quyền đều cạnh eo

Hướng trái hơi cúi đầu

Hai quyền buộc Hoa Man (vòng hoa)

Từ trán, sau đỉnh: bung

Hai quyền cùng hợp cạnh

Từ rón đến miệng bung

Hai quyền như nghi múa xoay chuyên chưởng ở đỉnh

Dùng nghi Kim Cương Chưởng

Bốn Ấn nhóm Thiên Hương

Dùng Giáng Tam Thế Ấn

Bốn Nhiếp nhóm Câu, Sách

Kèm quyền hướng dưới bụng

Ngửa bụng như Phụng Hiến

Dựng Thiên Trí (hai ngón cái) như Kim

Mở chưởng xoa ở ngực

Co Tiến (ngón trỏ phải) như móc câu

Cong Tiến Lực (hai ngón trỏ) vịn nhau

Hai Độ (hai ngón tay) liền móc nhau

Hợp cổ tay, hơi rung

Các Chân Ngôn ấy là:

1. ÁN – Phộc nhật la tát đát phộc, ác

· OMĪ – Vajrasatva – Ahī

2. ÁN – Phộc nhật la la nhạ, nhược

· OMĪ – Vajra Ràja – Jahī

3. ÁN – Phộc nhật la la nga, hộc

· OMĪ – Vajra Ràga – Hohī

4. ÁN – Phộc nhật la sa độ, sách
  - OMĪ – Vajra Sàdhu – Sahī
5. ÁN – Phộc nhật-la la đát-năng, ÁN
  - OMĪ – Vajra Ratna – OMĪ
6. ÁN – Phộc nhật la đế nhạ, ám
  - OMĪ – Vajra Teja – ÀMĪ
7. ÁN – Phộc nhật la ké đỗ, đát lam
  - OMĪ – Vajra Ketu – TRÀMĪ
8. ÁN – Phộc nhật la hạ sa, hách
  - OMĪ – Vajra Hàsa- Hahī
9. ÁN – Phộc nhật la đạt ma, ngọt lị dĩ
  - OMĪ – Vajra Dharma – Hrihī
10. ÁN – Phộc nhật la đễ khát xoa noa, đạm
  - OMĪ – Vajra Tiksinīa – Dhamī
11. ÁN – Phộc nhật la hệ đỗ, hàm
  - OMĪ – Vajra Hetu – Mamī
12. ÁN – Phộc nhật la bà sá, lam Bhasīa – Ramīa
  - OMĪ – Vajra Bhasīa – Ramī
13. ÁN – Phộc nhật la yết ma, Kiếm
  - OMĪ – Vajra Karma- Kamī

14. ÁN – Phộc nhật la lạc khất xoa, hàm

· OMĪ – Vajra Raksia – Hami

15. ÁN – Phộc nhật la Dược Khất xoa, Hồng

· OMĪ – Vajra Yaksia – Hùmi

16. ÁN – Phộc nhật la tán địa, noan

· OMĪ – Vajra Samīdhi – Vami

(ND: Trên đây là 16 câu Chú của 16 vị Đại Sĩ)

1. ÁN – Phộc nhật la la tế, Hộc

· OMĪ – Vajra Làse\_ Hohi

2. ÁN – Phộc nhật la ma lợi, đất la tra

· OMĪ – Vajra Māle – Trati

3. ÁN – Phộc nhật la nghi đế, nghi

· OMĪ – Vajra Gite – Gihī

4. ÁN – Phộc nhật la Niết lệ đế duệ, ngọt lệ tra

· OMĪ – Vajra Nrītye – Krīti

(ND: Trên đây là 4 Nội Cúng Đường)

1. ÁN – Phộc nhật la độ bé, A

· OMĪ – Vajra Dhūpe – Ahī

2. ÁN – Phộc nhật la bố sáp bé, ÁN

OMĪ – Vajra Pusīpe – OMĪ

3. ÁN – Phộc nhật la lộ kế, Nhược

· OMĪ – Vajra Aðloke – Dīhī

4. ÁN – Phộc nhật la nghiên đê – Ngược

· OMĪ – Vajra Gandhe - Gahī

(ND: Trên đây là 4 Ngoại Cúng Đường)

1. ÁN – Phộc nhật la củ xá, nhược

· OMĪ – Vajra Anõku'sa - Jahī

2. ÁN – Phộc nhật la bá xá, Hồng

OMĪ – Vajra Pà'sa – Hùmī

3. ÁN – Phộc nhật la sa phổ tra – noan

· OMĪ – Vajra Sphotīa – Vamī

4. ÁN – Phộc nhật la phệ xá - Hộc

· OMĪ – Vajra Ve'sa Hohī

(ND: Trên đây là 4 Nhiếp)

Phải: tim, trái: ấn đất

Quanh bốn mặt Luân Đàn

Đều một, đọc Chân Ngôn

An lập Hiền Kiếp vị (vị trí các tôn đời Hiền Kiếp)

Chân Ngôn là: “Hồng Hồng”

· Hùmī Humī

Ngoài Như Lai Hiền Kiếp

Mười sáu Đại Danh Xưng

Trước vẽ Di Lạc Tôn

Tiếp Minh Bất Không Kiến

Nhất Thiết Diệt Ác Thú

Ly Nhất Thiết Ưu Minh

Hương Tượng, Dũng Mãnh Tôn

Hư Không Tạng, Trí Tràng

Vô Lượng Quang, Nguyệt Quang

Hiền Hộ, Quang Vãng Tôn

Tiếp vẽ Kim Cương Tạng

Vô Tận Ý, Biện Tích

Phổ Hiền, Đại Quang Minh

Với Tôn Thượng Thủ khác

Thoạt đầu đặt chữ A

Hoặc vẽ mười sáu tên

Hạt giống Trí Kim Cương

Nghi Tắc của Thánh Thiên

Y giáo mà an lập

Trời: Địa Cư, Không Hành



Xảo Trí khéo an bày

Tướng Tất Địa các Tôn

Thứ tự cần phải rõ

Các Chân Ngôn ấy là:

1. ÁN – Muội đất li dã, sa phộc hạ
  - OMĪ – Maitriya Svàhà
2. ÁN – A Mục khu ná lật xả năng dã, sa phộc hạ
  - OMĪ – Amogha Dà‘sanàya - Svàhà
3. ÁN – Tát phộc bá dã nhạ hám, sa phộc hạ
  - OMĪ – Sarva pàyajaham – Svàhà
4. ÁN –Tát phộc thú địa ca đa mê, nễ kiến đà mê, sa phộc hạ
  - OMĪ – Sarva ‘Sokatame Nirghatame – Svàhà
5. ÁN – Nghiễn đà hạ tất đễ, sa phộc hạ
  - OMĪ – Gandha Hàsti – Svàhà
6. ÁN – Thú la dã, sa phộc hạ
  - OMĪ – ‘Suraya - Svàhà
7. ÁN – A ca xả nga la bà, sa phộc hạ
  - OMĪ – Àka’sa Garbha - Svàhà
8. ÁN – Chí nhạ năng ké đố, sa phộc hạ
  - OMĪ – Jnõàna Ketu - Svàhà

9. ÁN – A nhĩ đá bát la bà, sa phộc hạ
- OMĪ – Amita prabha - Svàhà
10. ÁN – Tán nại la phộc nhật la bát la bà, sa phộc hạ
- OMĪ – Candra Vajra prabha - Svàhà
11. ÁN – Bà nại la bá la, sa phộc hạ
- OMĪ – Bhadra pàla - Svàhà
12. ÁN – Nhập phộc la ninh, bát la bà, Hồng sa phộc hạ
- OMĪ – Jalini prabha Hùmĭ \_ Svàhà
13. ÁN – phộc nhật la nghiệt la bà, sa phộc hạ
- OMĪ - Vajra Garbha - Svàhà
14. ÁN – A khát xoa ma đễ, sa phộc hạ
- OMĪ – Aksĭa Māti -Svàhà
15. ÁN – Bát la đễ ha đá câu tra dã, sa phộc hạ
- OMĪ – Pratihata Kutĭaya \_ Svàhà
16. ÁN – Tam mãn đá bà nại la dã, sa phộc hạ
- OMĪ – Samanta Bhadràya - Svàhà

---o0o---

**KIM CƯỜNG GIỚI MAN NOA LA**

## TỶ LÔ GIÁ NA NHẤT THIẾT NHƯ LAI TỘC BÍ MẬT TÂM ĐỊA ÁN CHÂN NGÔN TAM MUỘI GIA BỘ (Thứ Ba)

Bảy giờ Bạc Già Phạm

Đại Tỷ Lô Giá Na

Hay vì Tụ Tại Vương

Diễn nói Kim Cương Giới

Nghi Tắc của Tam Muội

\_ Tiếp kết Tam Muội gia

Ở lưới quán Kim Cương

\_ Trước hợp Kim Cương Chương

Liên thành Kim Cương Phộc

Nhẫn Nguyễn (hai ngón giữa) như cây kiếm

Tiến Lực (hai ngón trỏ) phụ ở lưng

\_ Dựng Nhẫn Nguyễn (hai ngón giữa) như Kim

\_ Lại co như hình bấu

\_ Co nhiều như cánh sen

Hợp mặt ngón trong chương

\_ Hợp Đàn Tuệ (hai ngón út) Thiên Trí (hai ngón cái)

Đây là năm Phật Ấn

Các Chân Ngôn ấy là:

1. Phộc nhật la nhạ noa nẵm – A

\*Vajra Jnõànamĩ – Ahĩ

2. Phộc nhật la nhạ noa nẵm – Hồng

\*Vajra Jnõànamĩ – Hùmĩ

3. Phộc nhật la nhạ noa nẵm – Đát lạp

\*Vajra Jnõànamĩ – Trànhĩ

4. Phộc nhật la nhạ noa nẵm – Ngột lị dĩ

\*Vajra Jnõànamĩ – Hrihĩ

5. Phộc nhật la nhạ noa nẵm – Ác

\*Vajra Jnõànamĩ – Àhĩ

\_ Tiếp kết Tam Muội Gia

Bốn Ba La Mật Khế

Đều như Khế của Phật

Mỗi mỗi tụng Chân Ngôn

Các Chân Ngôn ấy là:

1. Phộc nhật la thất lị, Hồng

· Vajra ‘Sri – Hùmĩ

2. Phộc nhật la kiểu lị, đát lam

· Vajra gauri – Tràmĩ

3. Phộc nhật la đa la, ngột lị dĩ

· Vajra Tàrà – Hrihī

4. Khứ, phộc nhật lệ ni, Hộc

· Kha – Vajrinī – Hohī

\_ Tiếp kết mười sáu Tôn

Tám Cúng Đường, bốn Nhiếp

Ấn Khế Tam Muội Gia

\_ Nhấn Nguyệt (hai ngón giữa) dựng như Kim

Mở út, cái rồi dựng

\_ Tiếp dùng Kim Cương Phộc

Co Tiến Lực (hai ngón trỏ) như móc

\_ Nhân móc liền giao chặt

Chẳng giải Phộc, búng tay

\_ Dựng cái, tiếp co ngược

\_ Chẳng sửa cái, hưng tiếp

Duỗi sáu, rồi xoay chuyển

\_ Hai trước cũng chẳng sửa

Giữa Phộc dưới bốn Tràng

\_ Chẳng đổi Tượng Ấn trước

Mở ngược, buông ở miệng

\_ Do Phộc, dựng Thiên Trí (hai ngón cái)

Co Tiến Lực (hai ngón trỏ) như sen

\_ Do Phộc, dựng Nhẫn Nguyệt (hai ngón giữa)

Co lóng trên như Kiếm (cây Kiếm)

\_ Nhẫn nguyệt (hai ngón giữa) theo vào Phộc

Dựng bốn, dựng năm giao

\_ Do Phộc, Tiến Lực (hai ngón trỏ) sen

Mở Thiên Trí (hai ngón cái) ngả dựa

Cài sáu Độ (sáu ngón) rồi che

\_ Cái (ngón cái) đều vịn móng út (ngón út)

Tiến Lực (hai ngón trỏ) Kim, ngang tim

\_ Mở Tiến Lực (hai ngón trỏ) Đàn Tuệ (hai ngón cái)

Dựng út, Tiến Lực (2 ngón trỏ) móc

\_ Phộc, cái vịn gốc út

Tiến Lực (2 ngón trỏ) trụ ở lưng

\_ Phộc, dựng dựa Thiên Trí (2 ngón cái)

Ấn này giương ngang trán

Từ rốn, miệng, ngựa bung

Xoay múa chương ở Đỉnh

Do Phộc, bung bên dưới

\_ Từ Phộc, ngựa mở hiển

\_ Do Phộc, Thiên Trí (hai ngón cái) Kim

Giải Phộc, xoa lòng ngực

\_ Do phộc, Tiến Lực (hai ngón trỏ) móc

\_ Thiên (ngón cái phải) vào hổ khẩu Trí (ngón cái trái)

\_ Bốn trên giao như vòng

\_ Thiên Trí (hai ngón cái) vào chuông, rung

Bốn Ấn rời một Phộc

Mỗi mỗi tụng Chân Ngôn

Các Chân Ngôn ấy là:

1. Tam ma gia, tát đát noan

· Samaya Stvamī

2. A năng dã, tát đát noan

· Ànaya Stvamī

3. A học tổ khư

· Ahohī Sukha

4. Sa độ, sa độ

· Sàdhu Sàdhu

5. Tổ ma hạ, tát đát noan

· Sumahà Stvamī

6. Lỗ bỏ nễ dừ đá

- Rùpa Udyota
- 7. A tha bát la đê
  - Artha pràpti
- 8. Hạ Hạ Hạ Hông Hách
  - Ha Ha Ha Hùmĩ Hahĩ
- 9. Tát phộc cxa lị
  - Sarva Kàri
- 10. Nậu khứ thiết ná
  - Duhikha ccheda
- 11. Một đà một địa
  - Buddha Bodhi
- 12. Bát la đê xả tả ná
  - Prati‘Sabda
- 13. Tổ phộc thủy đất noan
  - Suva‘si Tvamĩ
- 14. Ninh lậ bà đã đất noan
  - Nirbhà ya Tvamĩ
- 15. Thiết đót lễ bạc khát xoa
  - ‘ Satrù Bhaksĩa
- 16. Tát phộc tát địa



- Sarva Siddhi

(Trên đây là 16 Tôn)

1. Ma hạ la đề

- Mahà Rati

2. Lỗ bá thú bệ

- Rùpa ‘Sobhe

3. Thú lỗ đát la đáu khứ dã

- ‘Sotra Saukhya

4. Tát phộc bố nễ

- Sarva Pùje

5. Bát la hạ la nễ ninh

- Prahla dini

6. Bả la nga nhĩ

- Phàla gami

7. Tổ đế nhạ nghi lị

- Suteja Agri

8. Tổ nghiễn đà, nghi

- Sugandha Anøgi

(Phần trên là 8 Cúng Dường)

1. A dã hê, nhược

- Àyahi Jahī
- 2. A hê Hồng Hồng
- Ahi Hùmī Hùmī
- 3. Tứ sa phỏ tra, noan
- He – Sphotīa – Vamī
- 4. Khứ tra \_ Ác ác
- Ghamītīa \_ Ahī Ahī

(Phần trên là 4 Nhiếp)

---o0o---

### **KIM CƯƠNG GIỚI ĐẠI NOA LA**

### **TỶ LÔ GIÁ NA NHẤT THIẾT NHƯ LAI TỘC BÍ MẬT TÂM ĐỊA ÁN CHÂN NGÔN – CÚNG DƯỜNG BỘ (Thứ Tư)**

Kính lễ Tỳ Lô Tôn

Hay vì Tụ Tại Vương

Diễn nói Cúng Dường Bộ

Cúng dường các Như Lai

Nên kết Kim Cương Phộc

Tướng Ấn Từ Tim khởi

Đàn kết Biến Chiếu Tôn

Nghi Ấn của Yết Ma

Chân Ngôn là: “ ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật la đà đát vi, nỗ đá la, bố nhạ, sa phả la noa, tam duệ, Hồng”

OMĪ – Sarva Tathàgata Vajradhàtve Anuttara pùja, spharanīa samaye Hùmi.

Tiếp kết Kim Cương Tát Đỏa Yết Ma Ấn (Húc Địa Thủ- tay chạm đất)

ÁN – Tát phộc đát tha nga, phộc nhật la tát đát phộc, nỗ đá la bố nhạ, sa phả la noa, tam ma duệ, Hồng

OMĪ – Sarva Tathàgata Vajrasatva, Anuttara pùja, spharanīa samaye Hùmi.

Tiếp kết Kim Cương Bảo Yết Ma Ấn (Thí Nguyện Thủ – Tay Thí Nguyện”

ÁN – Tát phộc đát tha nga, phộc nhật la la đát năng, nỗ đá la bố nhạ, sa phả la noa, tam ma duệ, Hồng

OMĪ – Sarva Tathàgata Vajra Ratna, Anuttara pùja, spharanīa samaye Hùmi.

Tiếp kết Kim Cương Pháp Yết Ma Ấn (Pháp Định Thủ – tay pháp định)

ÁN – Tát phộc đát tha nga, phộc nhật la đạt la ma, nỗ đá la bố nhạ, sa phả la noa, tam ma duệ, Hồng

OMĪ – Sarva Tathàgata Vajra Dharma, Anuttara pùja, spharanīa samaye Hùmi.

Tiếp kết Kim Cương Nghiệp Yết Ma Ấn (Tối Thượng Thủ –Tay Tối Thượng)

ÁN – Tát phộc đát tha nga, phộc nhật la ca la ma nỗ đá la bố nhạ, sa phả la noa, tam ma duệ, Hồng

OMĪ – Sarva Tathàgata Vajra Karma, Anuttara pùja, spharanīa samaye Hùmi.

Tiếp trên trái tim, Kim Cương Phộc Mật Ngữ là(Nhập Phộc Thủ 16)

“ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, tát phộc đát ma, ninh lị đã đá năng, bố nhạ, sa phả la noa, ca la ma phộc nhật lị, Àuc”

OMĪ\_Sarva Tathàgata, sarva Atma Niryatana pùja spharanĭa Karma Vajri Ahĭ

- Hữu Hiệp (hông bên phải) Mật ngôn là:

(Theo sự khảo cứu của chúng tôi thì Kinh Bản này bị thiếu sót và sai lệch thứ tự cúng dường, nên chúng tôi bổ xung bằng phần Phạm Âm, còn phần nào có đủ cả hai âm dịch thì thuộc Kinh Bản này)

OMĪ \_ Sarva Tathàgata, sarva Atma Niryatana pùja spharanĭa, Karma Agri\_Jahĭ

\_ Tả Hiệp (Hông bên trái) Mật Ngôn là:

- OMĪ – Sarva Tathàgata, sarva Atma Niryatana Anu Ràgaya, pùja spharanĭa Karma vànĭa Hùmĭ Hohĭ

Phía sau eo, Mật Ngôn là:

ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, tát phộc đát ma, sa độ ca la, bố nhạ, sa phả la noa, ca la ma đò sử trí, sách’

- OMĪ – Sarva Tathàgata, sarva Atma Niryatana, Sàdhu kàra pùja spharanĭa, Karma Tusĭtĭi – SAHĭ ĩ

(Bản Kinh này ghi nhận Mật Ngôn này ở hông phải)

Trên đỉnh, (nam) Mật Ngữ là:

ÁN – Năng mạc tát phộc đát tha nga đá, tị sái ca la đát ninh tỳ dụ, phộc nhật la ma ni – ÁN

OMĪ – Namahĭ sarva Tathàgata Abhisĭeka Ratnebhyahĭ Vajra Manĭi \_ OMĪ

Xoay chuyển trên trái tim như tướng xoay chuyển của mặt trời, Mật Ngữ là:

OMĪ – Namahĭ sarva Tathàgata sùryebhyahĭ, Vajra Tejini Jvala – Hrihĭ.

Trên đỉnh, Mật ngữ là:

ÁN – Năng mạc tát phộc đất tha nga đá, xả bá lệ bố la noa tức đá ma ni, đà phộc nhạ, nghi lệ, đất lăm.

OMĪ – Namahī sarva Tathàgata ‘Saparipurnīa Cintamanī dhvaja Agrebhyahī, Vajra dhvaja Agri – Trāmī

(Theo Bản này thì đây là Mật Ngữ trên trái tim)

Chỗ lúm đồng tiền trên miệng, giải tán Mật Ngữ là:

“ÁN – Năng mạc tát phộc đất tha nga đá, ma hạ tát lệ đễ, bát la mô nễ dã ca lê tỳ dụ, phộc nhậ la ha tế, hách”

OMĪ – Namahī sarva Tathàgata, mahà priti pramodya Kàrebhyahī Vajra Hase- Hahī.

Trên miệng (phía tây) Mật Ngữ là:

ÁN – Tát phộc đất tha nga đá, phộc nhậ la đạt la ma đá, tam ma địa tịch, tát đở nỗ nhĩ, ma hạ đạt la ma nghi lệ, ngọt lệ dĩ.

OMĪ – Sarva Tathàgata Vajra Dharmata samadhìbhyahī stutomi, Mahà Dharma agri – Hrihī.

Tai bên phải Mật Ngữ là:

ÁN – Tát phộc đất tha nga đá, bát la nhạ noa, bá la nhĩ đá, tị ninh la hạ lại, tát đở nỗ nhĩ, ma hạ cụ sái nỗ nghê, đạm.

OMĪ – Sarva Tathàgata Prajnōapàramita Abhinirhàre Stutomi, Mahà Ghosīa Anuge – Dhamī.

Tai bên trái, Mật Ngữ là:

ÁN – Tát phộc đất tha nga đá, tác yết la khắt xoa la, bá lệ phộc lật đá năng – tát phộc tổ đất lam đất năng dã duệ, tát đở nỗ nhĩ, tát phộc man noa la Hồng.

OMĪ – Sarva Tathàgata Cakra Aksiara paripravarttana sarva sùtramī sanàyaye stutomi, sarva manīdīala – Hūmī

Phíc sau đĩnh, Mật Ngũ là:

ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, tán đà bạc sái, một đà tăng nghi đễ tị, nga năm, tát đố nổ nhĩ phộc nhật la phộc tế, tác”

OMĪ – Sarva Tathàgata samīdha Bhāsīa, Budha Samīgītibhyahī gādami stutomi, Vajra vāce – Cahī.

Hướng trên đĩnh (phía Bắc) Mật Ngũ là:

ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, độ bá ninh già tam mẫu nại la, sa phả la noa, bớ nhạ ca la nhĩ ca la, ca la.

OMĪ – Sarva Tathàgata Dhūpa megha samudra spharanīa pūja Karne kara – Karahī

Hoa trên vai phải, Mật Ngũ là:

ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, bớ sất bả, bát la ma la, sa phả la noa, bớ nhạ, yết la nhĩ, chỉ lị, chỉ lị.

OMĪ – Sarva Tathàgata pusīpa pramāla spharanīa pūja karne kili\_ Kilihī.

Đèn trên đũi phải, Mật Ngũ là:

ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, lộ ca nhập phộc la, sa phả la noa, bớ nhạ, yết la nhĩ, bà la, bà la.

OMĪ – Sarva Tathàgata Aloka jvala spharanīa pūja karne bhara\_ Bharahī.

Dầu thơm (Đồ hương) trên trái tim, Mật Ngũ là:

ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, ngạn đà ninh già sam mẫu nại la, sa phả la noa, bớ nhạ, yết la nhĩ cụ lỗ, cụ lỗ.

OMĪ – Sarva tathàgata Gandha megha samudra spharanīa pūja karne kuru\_ Kurahī.

Tiếp kết Tán Hoa Khé

Quán sát ở mười phương

Nói: Nay con Cầu Thịnh

Chư Phật chuyển Pháp Luân

Lại nên tác niệm này

Nay Chiêm Bộ Châu này

Cùng với mười phương Giới

Người Trời, ý sinh hoa

Hoa trên bờ dưới nước

Đều cảm hiện mười phương

Tất cả Đại Bồ Tát

Các quyền thuộc trong Bộ

Khế, Minh, Mật, chư Thiên

Con vì cúng dường khắp

Tất cả các Như Lai

Đề tác làm sự nghiệp

Mật Ngữ là: “ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, bồ sất ba bố nhạ minh già, tam mầu nại la, sa phả la noa, tam ma duệ Hồng”.

\*OMĪ – Sarva Tathàgata Pusīpa pūja megha samudra spharanīa samaye  
Hūmī

Lại kết Thiêu Hương Khế

Rồi tác suy tư này

Hương Bản Thể Người Trời

Hương hoà hợp, biến dịch

Vì Như Lai Yết Ma

Nay con đều phụng hiến

(Phần Mật Ngữ lại ghi nhầm Mật Ngữ của Đồ Hương Khê và thiếu mất phần này – Nay chúng tôi xin bổ xung như sau:

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, độ bá nhạ ninh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa tam ma duệ Hồng.

OMĪ – Sarva Tathàgata Dhùpa pùja megha samudra spharanīa samaye Hùmī

Lại kết Đồ Hương Khê

Rồi tác suy tư này

Hương Bản Thể Người Trời

Hương hoà hợp biến dịch

Hương sai khác như vậy

Vì Như Lai Yết Ma

Nay con đều phụng hiến

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, nghiễn đà, bá nhạ ninh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa tam ma duệ Hồng.

OMĪ – Sarva Tathàgata Gandha pùja megha samudra spharanīa samaye Hùmī

Tiếp kết Đấng Khê xong

Rồi tác suy tư này



Sinh Bản Thể Người Trời

Với Quang Minh sai biệt

Vì tác làm sự nghiệp

Nay con đều phụng hiến

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, nễ bá bôu nhạ ninh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa tam ma duệ Hồng.

OMĪ – Sarva Tathàgata Dīpa pūja megha samudra spharāṇīa samaye Hūmī

Tam Muội Gia Bản Khê

Nên tác niệm như vậy

Giới này với Giới khác

Núi báu, các loại báu

Trong đất và trong biển

Đem tất cả cúng dường

Vì Như Lai Yết Ma

Nay con đều phụng hiến

Nên tụng Mật Ngữ này

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, mạo ninh diển nga la đát nẳng, lẳng ca la, bô nhạ ninh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa, tam ma duệ Hồng.

OMĪ – Sarva Tathàgata Bodhyamīga Ratna Alamikàra pūja megha samudra spharāṇīa samaye Hūmī

Tiếp kết Hy Hý Khê

Nên tác suy tư này

Sở hữu của Người Trời

Mọi thứ, sự chơi đùa

Cười vui, đồ kỹ nhạc

Đều đem cúng dường Phật

Vì tác làm sự nghiệp

Nay con sẽ phụng hiến

Phộc: cái vịn gốc út

Tiến Lực (hai ngón trở) trụ trên lưng

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, hạ tả la tả, chỉ lị noa, la đê, táo xí  
dã nỗ đá la, bố nhạ, minh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa, tam ma duệ,  
Hồng

OMĪ – Sarva Tathàgata Hàsya Làsya kridà Rati saukhya Anuttara pùja  
megha samudra spharanīa samaye Hùmī.

Tát Đỏa Tam Muội Gia

Nên tác suy tư này

Nhóm Kiếp Thọ như vậy

Hay cho mọi thứ áo

Nghiêm thân kẻ giàu có

Đều đem cúng dường hết

Vì tác làm sự nghiệp

Nay con sẽ phụng hiến

Tụng Bí Mật Ngôn này

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, nỗ đa la phộc nhật lỗ bá ma địa, bà phộc năng bá năng, bộ nhạ năng, phộc sa năng, bố nhạ minh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa, tam ma duệ Hồng.

OMĪ – Sarva Tathàgata Anuttara Vajra upama samàdhi Bhàvanīa pàna Bojana vàsana pùja megha samudra spharanīa samaye Hùmī.

Yết Ma Tam Muội Gia

Nên tác suy tư này

Ở trong Tạng Hư Không

Hết thấy các Như Lai

Con đều xin thừa sự

Tướng trước mỗi vị Phật

Đều có thân của Ta

Luôn gần gũi phụng thờ

Nên tụng Mật Ngữ này

Chân Ngôn là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, ca dã ninh lị dã đá năng bố nhạ minh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa, tam ma duệ Hồng.

OMĪ – Sarva Tathàgatakāya, Niryātana pùja megha samudra spharanīa samaye Hùmī.

Đạt Ma Tam Muội Gia

Nên tác suy tư này

Nay con ở thân này

Cùng các hàng Bồ Tát

Quán Thực Tính các Pháp

Bình Đẳng không sai khác

Đã tác Quán ấy xong

Nên tụng Mật Ngữ này

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá tức đá, ninh lị dã đát năng, bố nhạ minh già, tam mẩu nại la, sa phả la noa, tam ma duệ Hồng.

OMĪ –Sarva Tathàgata citta Niryatana pūja megha samudra spharanīa samaye Hūmī.

Bảo Tràng Tam Muội Gia

Nên quán: Trong sinh tử

Tất cả loại chúng sinh

Bị khổ não ràng buộc

Vì nặng lòng thương xót

Nay con sẽ cứu hộ

Và hộ tâm Bồ Đề

Kẻ chưa độ khiến độ

Kẻ chưa an khiến an

Đều khiến được Niết Bàn

Với mưa mọi thứ báu

Khiến mãn túc mong cầu

Tác suy tư ấy xong

Nên tụng Mật Ngôn này

Mật Ngữ là: ÁN –Tát phộc đát tha nga đá, ma hạ phộc nhật lố ná bà phộc, ná năng, bá la nhĩ đả, bố nhạ, minh già, tam mẫn nại la, sa phả la noa, tam ma duệ, Hồng.

OMĪ –Sarva Tathàgata Mahà Vajra udbhava Dànapàramita, pùja megha samudra spharanīa samaye Hùmī.

Tiếp kết Hương Thân Khế

Tam Muội Gia Đồ Hương

Rồi tác suy tư này

Nguyện tất cả chúng sinh

Các Bất Thiện ba Nghiệp

Nguyện thấy đều mau lìa

Tất cả các Pháp lành

Nguyện thấy đều thành tựu

Nên tụng Mật Ngôn này

Mật Ngữ là: ÁN –Tát phộc đát tha nga đá, nỗ đá la ma hạ mạo địa dã hạ la ca, thí la bá la nhĩ đả, bố nhạ minh già, tam mẫn nại la, sa phả la noa tam ma duệ, Hồng.

OMĪ – Sarva Tathàgata, Anuttara, Mahà Budhya Hāraka ‘Sila pàramita pùja megha samudra spharanīa samaye Hùmī.

Kết Yết Ma Húc Địa (chạm mặt đất)

Lại nên tác niệm này

Nguyện tất cả chúng sinh

Tâm Từ không nào hại

Mau lia các sợ hãi

Nhìn nhau tâm vui vẻ

Các tướng tốt trang nghiêm

Thành Pháp Tạng thâm sâu

Nên tụng Chân Ngôn này

Mật Ngữ là: ÁN –Tát phộc đát tha nga đá, nỗ đá la, ma hạ đạt la ma phộc  
mạo đạt, khát sản đề bá la nhĩ đá, bố nhạ, minh già, tam mầu nại la sa phả la  
noa, tam ma duệ Hồng

OMĪ - Sarva Tathàgata, Anuttara Mahà Dharma va Bodha, Ksīanti pàramita,  
pūja megha samudra spharanīa samaye Hūmī.

Đầu Thắng Tinh Tiến khế

Tam Muội Gia Giáp Trụ

Nên tác suy tư này

Nguyện tất cả chúng sinh

Bậc hành Hạnh Bồ Tát

Mặc giáp trụ bền chắc

Mật Ngữ là: ÁN - Tát phộc đát tha nga đá, tăng sa la bá lệ đề đả bá la nhĩ đá,  
bố nhạ, minh già, tam mầu nại la sa phả la noa, tam ma duệ Hồng.

OMĪ -Sarva Tathàgata, samāsāra Aparityāga Anuttara Mahà Vīrya pàramita,  
pūja megha samudra spharanīa samaye Hūmī.

Kết Tam Ma Địa Khế

Hoa, Phương, Phật, Yết Ma

Nên tác suy tư này

Nguyện tất cả chúng sinh

Điều phục nơi Phiền Não

Tùy Phiền Não, oán thù

Được Thiên Định thâm sâu

Rồi tụng Mật ngữ này

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, nố đá la, ma hạ táo xí dã vĩ hạ la, địa dã nẳng bá la nhĩ đá, bố nhạ, minh già, tam mẩu nại la sa phả la noa, tam ma duệ Hồng.

OMĪ -Sarva Tathàgata, anuttara Mahà saukhya vihàra, Dhyànapàramita, pùja megha samudra spharanīa samaye Hùmī.

Tiếp kết Biến Chiếu Tôn

Yết Ma Thắng Khế xong

Rồi tác suy tư này

Nguyện tất cả chúng sinh

Thành tựu năm loại Minh

Thế Gian, Xuất Thế Gian

Trí Tuệ, thành tựu khắp

Đề được Chân Thật Kiến (cái thấy chân thật)

Trí trừ phiền não chướng

Nhóm biện tài vô úy

Phật Pháp trang nghiêm tâm

Rồi tụng Mật Ngữ này

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, nỗ đá la chỉ lễ xả, nhạ noa đã, phộc la noa, phộc sa năng, vĩ năng đã năng, ma hạ bát la nhạ noa, bá la nhĩ đá, bố nhạ minh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa, tam ma duệ hồng.

OMĪ –Sarva Tathagata Anuttara Kleśa Jñāya avaraṇīa vāsana vināyana, Mahā Prajñāpāramita, pūja megha samudra spharāṇīa samaye Hūmī.

Thẳng Thượng Tam Ma Địa

Ấn Khế tiếp nên kết

Hai vũ, (hai bàn tay) cùng cài ngoài

Khiến Thiên Trí (hai ngón cái) vịn nhau

Ngũ đặt ở nơi bụng

Nên tác suy tư này

Tính Chân Thật các Pháp

Không, Vô Tướng, Vô Tác

Các Pháp đều như vậy

Quán xong tụng Mật Ngôn

Mật Ngữ là: ÁN –Tát phộc đát tha nga đá, ngu hê đã ma hạ bát la đề bá đề, bố nhạ minh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa, tam ma duệ hồng.

OMĪ –Sarva Tathagata Gūhya, Mahā pratipāti, pūja megha samudra spharāṇīa samaye Hūmī.

Tiếp nên hợp móng ngón



Rồi tác suy tư là:

Hai tay Kim Cương Quyền

Tiến Lực (hai ngón trỏ) miệng Thiền Trí (hai ngón cái)

Nay con nói ra lời

Nguyện tất cả chúng sinh

Thấy đều khiến được nghe

Tụng Bí Mật Ngôn này

Mật Ngữ là: AN –Tát phộc đất tha nga đá, phộc chỉ dã, ninh lị dã đất nấng,  
bố nhạ minh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa, tam ma duệ hồng.

OMĪ –Sarva Tathàgata vaksīya Niryatana pūja megha samudra spharanīa  
samaye Hūmī.

Như vậy rộng làm Phật Sự xong

Tiếp nên thành tâm mà niệm tụng

Chúng Hội, quyến thuộc tự vây quanh

Trụ ở Viên Tịch Đại Kính Trí

Nên kết Kim Cương Tam Muội Gia

Rồi tụng Kim Cương Bách Tự Minh

Tiếp tụng Kim Cương Tát Đỏa Minh

Ba biến, năm biến hoặc bảy biến

Chân Ngôn là: AN –Phộc nhật la tát đất phộc, tam ma dạ, ma nỗ bát la dã,  
phộc nhật la tát đất phộc đất vị nỗ bá đề sắt xá, niết lị trà minh bà phộc, tổ đồ  
sắt dục ninh bà phộc, a nỗ la ngật đồ ninh bà phộc, tổ bà sắt dục ninh bà

phộc tát phộc tát trẫm ninh bà phộc, bát la dã tha, tát phộc yết ma tổ tả, minh, tức đá, thất lệ dược câu lễ, hồng, ha ha, ha,ha, hộc- bà nga noan, tát phộc đất tha nga đá, phộc nhật la, ma, minh, muội tả, phộc nhật la bà phộc, ma hạ tam ma dã, tát đất phộc, Aùc.

OMĪ –Vajrasatva samayam Anupàlaya - Vajrasatva tvena upatisĭtia –  
Dīridho me bhava- Sutosiyo me bhava- Suposiyo me bhava- Anurakto me  
bhava- Sarva siddhimī me prayaccha sarva karmasu ca me cittamī ‘sriyamī  
kuru Hùmī Ha Ha Ha Ha Hohī – Bhagavamī – Sarva Tathàgata Vajra, mà  
me munõca \_Vajri bhava- Mahà samaya satva- Ahī.

Tiếp nên dâng tràng hạt

Tụng Chân Ngôn bảy biến

Lại dùng Câu Gia Trì

Như Pháp mà gia trì

Ngồi thẳng như Nghi Tắc

Nên dùng Kim Cương Ngữ

Một ngàn hoặc một trăm

Tuỳ ý mà niệm tụng

Chân Ngôn là: ÁN –Phộc nhật la tát đất phộc

OMĪ – Vajrasatva

Hai vũ (2 tay) nâng tràng hạt

Bản Chân Ngôn bảy biến

Nâng đến đỉnh và tim

Ngàn chuyển dùng gia trì

Chân Ngôn là: ÁN – Phộc nhật la ngu hê dã nhạ bá tam ma duệ, Hồng

OMĪ – Vajra gūhye japa samaye Hūmī

\_ Đã gia trì chuỗi xong

Trụ Đẳng Dẫn mà tụng

Chẳng động mạnh đầu lưỡi

Môi răng cùng ngậm kín

Thành tựu các Mật Giáo

Kim Cương Ngữ lia tướng

Theo thân quán tướng tốt

Bốn thời chẳng gián đoạn

Trăm ngàn làm hạn định

Lại nữa vượt hơn đây

Thần Thông và Phước Trí

Thấy đời đồng Tát Đỏa

Niệm tụng hạn định xong

Nâng chuỗi, phát Đại Nguyện

\_ Kết Tam Muội Gia Khế

Vào Tam Muội Pháp Giới

\_ Hành Giả rời Tam Muội

Liên kết Căn Bản Ấn

Niệm Bản Minh bảy biến

\_ Lại kết tám Cúng Đường

Dùng diệu âm tán thán

Hiển nước thơm Ứ Già

Dùng Giáng Tam Thế Ấn

Chuyển trái mà Giải Giới

\_ Tiếp kết Tam Muội Quyền

Mật tụng rồi đẩy mở

\_ Tiếp kết Yết Ma Quyền

Ba tụng, ba mở tay

Từ mỗi mỗi sinh ra

Hết thảy tất cả Ấn

Nơi mỗi mỗi nên Giải

Do Chân Ngôn Tâm này

Chân Ngôn là: AN – Phộc nhật la mục khát xoa mục.

OMĪ – Vajra muksia Muhī

Tiếp kết Phụng Tống Ấn

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) như cánh sen

Đầu ngón để hoa mùa

Tụng xong ném lên trên

Tác Phụng Tổng Thánh Chúng

Chân Ngôn là: ÁN – Ngật li đố phộc, tát phộc tát đát phộc la tha tát đê ná, đá  
dã tha, nỗ nga nghiệt tha đà noan, một đà vĩ sái dã, bố năng la nga ma năng  
dã đố, ÁN –Phộc nhật la tát đát phộc mục khát xoa mục.

OMĪ – Krīto vahī, sarva satva artha siddhirdatta yatha anugācchathamī  
Buddha viśīyamī punarāgamanāyatu – OMĪ - Vajra satva muksīa Muhī.

Tiếp nên kết Bảo Ấn

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Tiến Lược (hai ngón trỏ) như hình bấu

Thiền Trí (hai ngón cái) cũng lại thế

Tướng Ấn từ tim khởi

Đặt ở nơi quán đỉnh

Chia tay như cột Man(vòng hoa)

Tiếp kết Giáp Trụ Ấn

Chân Ngôn là: ÁN –Phộc nhật la la đát năng, tị sẵn tả hàm, tát phộc mẫu ná-  
lam ninh, niết li trĩ câu lộ, phộc nhật la ca phộc tả năng noan. ÁN - Châm.

OMĪ – Vajra Ratna Abhisīmīcā māmī- SarvaMudramī me, Dīrīdhi kuru,  
Vajra Kavācena – Vamī\_ OMĪ TĪUMĪ

Tiếp kết Bị Giáp xong

Ngang chuông vỗ ba lần

Khiến Thánh Chúng vui vẻ

Dùng Tâm Chân Ngôn này

Giải Phộc được hoan hỷ

Đắc được Thẻ Kim Cương

Chân Ngôn là: ÁN -Phộc nhật la đồ sắt dã, hộc.

OMĪ – Vajra tusīya Hohi

Phụng Tống Thánh Chúng xong

Nên kết Gia Trì Khế

Tụng Minh gia bốn nơi

Quán Đỉnh, mặc Giáp Trụ

Lại tác Nghi Phách Án (vỗ tay)

Như trước lễ bốn Phật

Sám Hồi và Phát Nguyện

Sau đó y Nhàn Tĩnh

Dâng hương hoa nghiêm sức

Trụ ở Tam Ma Địa

Đọc tụng Diển Đại Thừa

Tuỳ ý mà Kinh Hành

**QUYỂN HẠ (Hết)**

**27/ 09 / 2001**

---o0o---

**Hết**

